|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tình hình thực hiện năm 2020 và 5 năm 2016-2020;**

**Định hướng phát triển giai đoạn 2021-2025, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu năm 2021 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội**

**PHẦN THỨ NHẤT**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2020 VÀ 5 NĂM 2016-2020**

Năm 2020 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020. Triển khai các Nghị quyết của Quốc hội khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Kế hoạch hành động của ngành thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 với 5 trọng tâm chỉ đạo điều hành[[1]](#footnote-1); giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 cho từng đơn vị thuộc Bộ tổ chức thực hiện. Phát huy những kết quả đạt được năm 2019, tiếp tục thực hiện phương châm *“Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, hiệu quả”,* ngay từ những ngày đầu năm, với sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao với quyết tâm cao nhất, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

Tuy nhiên, từ đầu năm đến nay, đại dịch Covid-19 bùng phát trên diện rộng, tác động mạnh mẽ, toàn diện đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội toàn cầu; làm cho kinh tế thế giới rơi vào suy thoái trầm trọng nhất từ trước đến nay. Ở trong nước, thiên tai, bão lũ, sạt lở đất, gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất và đời sống của Nhân dân; cùng với tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đã

ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung, các mục tiêu kế hoạch năm 2020 và 5 năm 2016-2020 của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội nói riêng.

Trong bối cảnh đó, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch; đồng thời, đề xuất các biện pháp **hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; các** giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; ổn định an sinh xã hội. Bộ đã tổ chức Hội nghị giao ban 6 tháng đầu năm và các diễn đàn, hội nghị trực tuyến với các tỉnh, thành phố để cùng nhận diện, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ của ngành ở địa phương; đồng thời, phát huy kết quả đã đạt được, nhân rộng những mô hình, cách làm hay, hiệu quả ở một số địa phương ra cả nước. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; với sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, toàn ngành đã cùng cả nước vượt qua một năm 2020 đầy khó khăn, thử thách, đạt được những kết quả quan trọng, có những dấu ấn đặc biệt. Kết quả cụ thể như sau:

**I. VỀ THỰC HIỆN “MỤC TIÊU KÉP” CỦA CHÍNH PHỦ**

Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng; các Chỉ thị và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống đại dịch Covid-19, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thành lập Ban Chỉ đạo về phòng chống dịch, ban hành Kế hoạch của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội ứng phó dịch bệnh Covid-19; triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch; đồng thời, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; ổn định an sinh xã hội, góp phần thực hiện thành công “mục tiêu kép”, vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống, sức khỏe của nhân dân.

Đặc biệt, Bộ đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ thông qua Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 **về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19**; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện gói hỗ trợ đến đúng đối tượng, nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả. Trên cơ sở tình hình triển khai Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, Bộ đã tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg[[2]](#footnote-2).

Các tỉnh, thành phố đã triển khai nghiêm túc và nhanh chóng các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, hướng dẫn các doanh nghiệp phương án hỗ trợ, thực hiện các chính sách đối với người lao động bị ảnh hưởng khi sản xuất, kinh doanh bị đình trệ do dịch bệnh. Theo dõi chặt chẽ, nắm tình hình lao động, nhất là tại các khu công nghiệp, khu kinh tế để có phương án cung ứng lao động kịp thời, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, Chính phủ đã dành nguồn kinh phí không nhỏ để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; các chính sách hỗ trợ thực sự thiết thực, kịp thời, ý nghĩa và tạo được niềm tin sâu rộng trong Nhân dân.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VỀ LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI**

**1. Về xây dựng thể chế, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội**

Trong năm 2020,Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tập trung thực hiện tốt đột phá chiến lược về xây dựng và hoàn thiện thể chế về lao động, người có công và xã hội, tạo lập khuôn khổ pháp lý ngày càng minh bạch, bình đẳng, bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, doanh nghiệp, người già, trẻ em, người có công với cách mạng, tạo sự công bằng xã hội, hỗ trợ đối tượng yếu thế ổn định cuộc sống, tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư, kinh doanh, và phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả đã hoàn thành 100% các đề án trong Chương trình công tác năm 2020 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;trong đó, đã tham mưu trình Chính phủ để trình Quốc hội khóa XIV thông qua Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sửa đổi), Nghị quyết về việc gia nhập Công ước số 105 của Tổ chức Lao động quốc tế về Xóa bỏ lao động cưỡng bức; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thông qua Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi). Trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn tổ chức thực hiện pháp luật về lao động, người có công và xã hội bảo đảm đồng bộ, khả thi và hội nhập.

Giai đoạn 2016-2020, Bộ đã hoàn thành một khối lượng văn bản lớn; trong đó đã trình Quốc hội ban hành 03 luật[[3]](#footnote-3) *(đặc biệt, Bộ luật Lao động năm 2019 với nhiều điểm mới và thay đổi nhằm bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của cả người lao động và người sử dụng lao động; thực hiện đúng chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phù hợp hơn với các cam kết, thông lệ quốc tế về lao động);* trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành 01 Pháp lệnh; trình Chính phủ ban hành 40 Nghị định; ban hành theo thẩm quyền 125 Thông tư. Đặc biệt, đã tham mưu, trình Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; xây dựng Đề án cải cách chính sách tiền lương khu vực sản xuất, kinh doanh, trình Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành trong Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018; trình Ban Bí thư ban hành 02 Chỉ thị[[4]](#footnote-4); đánh giá, tổng kết Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 (Nghị quyết số 15-NQ/TW), trên cơ sở đó, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW. Trong giai đoạn này, Bộ cũng đã tham mưu, trình phê chuẩn 04 Công ước quốc tế[[5]](#footnote-5).

Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhìn chung đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra. Thể chế về lao động, người có công và xã hội từng bước được hoàn thiện, làm cơ sở, tạo nền tảng pháp lý cho thực hiện chính sách an sinh xã hội, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện 03 đột phá chiến lược đã đề ra trong các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội. Ở địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố đã chủ động nghiên cứu, tham mưu cho Tỉnh/Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách pháp luật, chương trình, đề án của ngành trên địa bàn một cách kịp thời, hiệu quả.

**2. Về thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể**

***2.1. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp (GDNN), gắn kết công tác đào tạo với thị trường lao động, việc làm bền vững, an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ:***

Năm 2020, dù chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng lĩnh vực GDNN đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra. Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Công nhận ngày 04/10 hằng năm là ngày Kỹ năng lao động Việt Nam (Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 01/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ) để tôn vinh và lan tỏa giá trị của lao động có kỹ năng nghề, phát triển GDNN. Các nút thắt về phân luồng học sinh từ trung học cơ sở được tháo gỡ, làm thay đổi căn bản nhận thức của xã hội về GDNN. Tiếp tục triển khai đào tạo thí điểm cho khoảng 1.037 sinh viên trình độ cao đẳng theo 22 bộ chương trình chuyển giao từ CHLB Đức (sinh viên tốt nghiệp được cấp 02 bằng: bằng cao đẳng của Việt Nam và bằng của Đức); hoàn thành thí điểm đào tạo chương trình chuyển giao từ Úc[[6]](#footnote-6). Triển khai chương trình đào tạo liên thông chất lượng cao từ trung cấp lên cao đẳng đối với đối tượng tốt nghiệp trung học cơ sở, góp phần đẩy mạnh phân luồng và nâng cao chất lượng tuyển sinh. Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; triển khai các mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó ưu tiên đào tạo nghề cho lao động bị thôi việc, mất việc do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động nông thôn tại các tỉnh bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Các cơ sở GDNN đã áp dụng linh hoạt và đa dạng các phương pháp giảng dạy nhằm phát huy cao nhất tính tích cực, chủ động và năng lực tư duy, sáng tạo của người học. Ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của cơ sở GDNN được đẩy mạnh và đem lại kết quả tích cực; nhiều cơ sở GDNN đã thực hiện chuyển hướng tuyển sinh, đào tạo và quản lý kết quả đào tạo trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học[[7]](#footnote-7). Nhiều mô hình, cách làm mới mang tính đột phá đã được triển khai như: mô hình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng đối với học sinh tốt nghiệp THCS, mô hình đào tạo chất lượng cao theo chương trình chuyển giao của nước ngoài; tuyển sinh gắn với tuyển dụng; hội đồng kỹ năng ngành; đại sứ nghề… Hoạt động hợp tác giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp được tăng cường. Trong năm nhiều sự kiện lớn cũng được tổ chức thành công như: Kỳ thi Kỹ năng nghề quốc gia lần thứ XI[[8]](#footnote-8), Lễ Tuyên dương học sinh, sinh viên GDNN xuất sắc, tiêu biểu; tôn vinh nhà giáo GDNN tiêu biểu, xuất sắc; ngày hội khởi nghiệp quốc gia học sinh, sinh viên GDNN.

Kết quả, năm 2020 cả nước tuyển sinh khoảng 2,28 triệu người, đạt 100,9% kế hoạch; trong đó, tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng khoảng 580 nghìn người; tuyển sinh trình độ sơ cấp và các hình thức đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 1,7 triệu người. Tốt nghiệp theo các trình độ đào tạo khoảng 2,19 triệu người, đạt mục tiêu đề ra, trong đó: tốt nghiệp cao đẳng và trung cấp khoảng 510 nghìn người; sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 1,68 triệu người. Mạng lưới các cơ sở GDNN tiếp tục được rà soát, sắp xếp theo lộ trình, tính đến nay cả nước có 1.911 cơ sở GDNN (408 trường cao đẳng, 446 trường trung cấp và 1.057 trung tâm GDNN), trong đó có 686 cơ sở GDNN tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 35,8%).

Giai đoạn 2016-2020, Bộ đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Luật Giáo dục nghề nghiệp, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; tiếp nhận chức năng quản lý nhà nước về GDNN đối với các trường cao đẳng, trường trung cấp từ ngành giáo dục và đào tạo; tổ chức thành công nhiều hội nghị triển khai công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm trong và ngoài nước; Diễn đàn “Nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam”; tham gia Kỳ thi tay nghề thế giới đạt 01 huy chương bạc, đây là kết quả cao nhất từ trước đến nay; xây dựng các chuẩn đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo... Nhận thức về học nghề, phát triển GDNN trong toàn xã hội và người dân đã có chuyển biến mạnh mẽ;vị thế, vai trò của hệ thống GDNN trong hệ thống giáo dục quốc dân được nâng cao.

Ước tuyển sinh 5 năm đạt khoảng 11,1 triệu người, trong đó: trình độ cao đẳng và trung cấp khoảng 2,47 triệu người; sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 8,63 triệu người. Ước tốt nghiệp theo các trình độ đào tạo khoảng 10,2 triệu người; trong đó: Tốt nghiệp cao đẳng và trung cấp khoảng 1,99 triệu người; sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác khoảng 8,21 triệu người. Nhân lực chất lượng cao tăng cả về số lượng và chất lượng, trong đó một số ngành nghề, lĩnh vực đạt trình độ khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

***2.2. Thể chế thị trường lao động tiếp tục được hoàn thiện, phát triển nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực:***

Do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, thị trường lao động từ đầu năm đến hết quý III có nhiều biến động, lực lượng lao động có xu hướng giảm, số lao động mất việc làm tiếp tục gia tăng dẫn đến tình trạng thất nghiệp diễn biến khó lường; tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động khu vực thành thị cao nhất trong 10 năm trở lại đây; tỷ lệ thiếu việc làm tăng, thu nhập của người làm công hưởng lương giảm[[9]](#footnote-9). Trước tình hình trên, Bộ đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động; tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo xu hướng và nhu cầu thị trường lao động; điều tra nhu cầu lao động trong các loại hình doanh nghiệp; thu thập thông tin về nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, tăng cường giao dịch việc làm trực tuyến, chủ động cung cấp nguồn lao động đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp,góp phần giải quyết việc làm cho người lao động[[10]](#footnote-10) trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19; chỉ đạo rà soát các quy định của pháp luật về lao động và các văn bản có liên quan để hướng dẫn các doanh nghiệp phương án hỗ trợ, thực hiện các chính sách đối với người lao động bị ảnh hưởng khi doanh nghiệp bị đình trệ sản xuất, kinh doanh do dịch bệnh. Bước sang quý IV/2020, thị trường lao động phục hồi, nhiều lĩnh vực có tín hiệu tốt, các ngành, nghề, lĩnh vực bị đứt chuỗi, lao động bị ngừng việc đã trở lại thị trường.

Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm (thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020) và các chính sách, giải pháp về hỗ trợ tạo việc làm tiếp tục được triển khai đồng bộ. Trong đó, riêng nguồn Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn huy động của Ngân hàng Chính sách xã hội đã cho vay 143.688 dự án (143.654 dự án của người lao động, 34 dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh) với doanh số cho vay là 6.440,441 tỷ đồng, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 202.447 người lao động[[11]](#footnote-11).

Công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài cũng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19. Khi dịch bùng phát mạnh trên thế giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chỉ đạo tạm dừng tuyển chọn, đào tạo và tổ chức xuất cảnh cho người lao động; kiểm soát chặt chẽ số lao động xuất cảnh; tăng cuờng công tác quản lý, nắm tình hình và đảm bảo quyền lợi của người lao động trong trường hợp bị ảnh hưởng của dịch[[12]](#footnote-12). Tính đến thời điểm hiện tại, có khoảng hơn 26.000lao động[[13]](#footnote-13) Việt Nam ở nước ngoài phải về nước do dịch Covid-19 nhưng chưa thể về nước do không có chuyến bay[[14]](#footnote-14). Bên cạnh đó, hoạt động đưa người lao động Việt Nam sang làm việc tại các thị trường trọng điểm (Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc) tiếp tục duy trì, tăng cường quản lý, chấn chỉnh để ổn định và phát triển bền vững; đồng thời, xây dựng kế hoạch, đàm phán, ký kết để mở rộng các thị trường tiếp nhận lao động mới.

Ước cả năm 2020 giải quyết việc làm khoảng 1,348 triệu người, đạt 83,8% kế hoạch và bằng 81,2% so với thực hiện năm 2019; trong đó, tạo việc làm trong nước khoảng 1,27 triệu người; đưa trên 78 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tính chung cả năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị là 3,61% *(đạt mục tiêu);* tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 dự kiến đạt 64,5%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 24,5% (riêng tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo có bằng, chứng chỉ dự kiến đạt 26,5%). Trong tình hình các nước thất nghiệp cao thì kết quả giải quyết việc làm trong năm qua là một thành quả xứng đáng cho những nỗ lực không ngừng của Chính phủ và Nhân dân trong phục hồi, duy trì phát triển kinh tế - xã hội.

Giai đoạn 2016-2020, thị trường lao động có sự chuyển biến tích cực; lực lượng lao động cả nước năm 2020 tuy giảm so với năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 song vẫn có xu hướng tăng trong cả giai đoạn; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động luôn duy trì trên 70%; số lao động có việc làm tăng lên hàng năm, lao động làm công hưởng lương có xu hướng tăng. Hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm tiếp tục được đầu tư để tăng cường kết nối cung - cầu lao động, rút ngắn thời gian tìm việc làm của người lao động, thời gian tuyển dụng của người sử dụng lao động, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động[[15]](#footnote-15). Đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển mạng lưới các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ việc làm[[16]](#footnote-16). Các giải pháp duy trì và phát triển các thị trường lao động ngoài nước tiếp tục được thực hiện đồng bộ, mở mới nhiều thị trường tiềm năng ở châu Âu (Séc, Đức, Áo, Bulgari, Rumani.…). Hoạt động đưa người lao động Việt Nam sang làm việc tại các thị trường trọng điểm (Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và Malaysia) tiếp tục được tăng cường quản lý, chấn chỉnh. Công tác tạo nguồn, đào tạo tay nghề, kỷ luật lao động, ngoại ngữ cho lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài được đẩy mạnh.

Ước 5 năm cả nước giải quyết việc làm gần 8 triệu người, đạt mục tiêu đề ra[[17]](#footnote-17); trong đó: Giải quyết việc làm trong nước trên 7,3 triệu người;đưa trên 634 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng *(vượt chỉ tiêu 27%, về đích kế hoạch 5 năm trước 1 năm);* hiện tại có gần 550 nghìn người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài*.* Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị luôn duy trì ở mức dưới 4%; cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực, tỷ lệ lao động khu vực nông lâm ngư nghiệp giảm từ 45% năm 2015 xuống còn 32% năm 2020.

***2.3. Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương, quan hệ lao động; an toàn, vệ sinh lao động và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam:***

Các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được đẩy mạnh thực hiện; chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trở thành trụ cột chính trong hệ thống an sinh xã hội. Theo số liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, hết năm 2020 có khoảng 16,047 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, chiếm khoảng 33,2% lực lượng lao động trong độ tuổi (tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khoảng 15,033 triệu người, tăng 24,5% so với cuối năm 2015; tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là 1,013 triệu người, tăng 365,4% so với cuối năm 2015); trên 13,27 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 27,5% lực lượng lao động trong độ tuổi. Riêng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tăng nhanh, chỉ trong 2 năm 2019-2020 đã phát triển mới khoảng 750.000 người, gấp 3 lần giai đoạn 10 năm trước đây và về đích trước 2 năm so với mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 28-NQ/TW. Hoàn thành xây dựng Đề án điều chỉnh lương hưu độc lập tương đối trong mối tương quan với tiền lương của người làm việc, thay đổi cách thức điều chỉnh lương hưu theo hướng chia sẻ và Đề án đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng, hiệu quả hoạt động tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch covid. Hệ thống bảo hiểm xã hội từng bước được xây dựng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; Quỹ bảo hiểm xã hội được sử dụng đúng mục đích, quy định của pháp luật; thực hiện kịp thời chính sách bảo hiểm thất nghiệp[[18]](#footnote-18), nhất là thời gian dịch Covid-19 bùng phát mạnh nhất.

Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong tình hình mới[[19]](#footnote-19). Theo dõi, nắm tình hình lương, thưởng tết của người lao động tại các doanh nghiệp để hỗ trợ kịp thời những người lao động có hoàn cảnh khó khăn, phối hợp với các doanh nghiệp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động về quê ăn tết cùng gia đình. Thu nhập bình quân của lao động có hưởng lương giảm nhưng không nhiều và đang dần được cải thiện; chế độ, chính sách đối với số lao động bị cắt giảm, nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm được đảm bảo giải quyết theo quy định. Kiện toàn Hội đồng tiền lương quốc gia năm 2020, Ủy ban Quan hệ lao động; theo dõi sát tình hình lao động, việc làm, có biện pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời tranh chấp lao động, đình công. Hệ thống chính sách tiền lương khu vực sản xuất, kinh doanh được tiếp tục hoàn thiện theo cơ chế thị trường; tiền lương được hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động; hệ thống tiền lương tối thiểu bước đầu được luật hóa; chính sách tiền lương tối thiểu đã tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng chi trả của doanh nghiệp và bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động, hài hòa lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động, phù hợp với các cam kết quốc tế góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia[[20]](#footnote-20). Thu nhập bình quân của người lao động từng bước được cải thiện; giai đoạn 2016-2019 tiền lương bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương có tốc độ tăng khá cao đạt 9,01%/năm[[21]](#footnote-21).

Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức Lễ phát động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động và Tháng Công nhân năm 2020 với chủ đề “Đẩy mạnh cải thiện điều kiện lao động và kiểm soát các nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc”; tổ chức hoạt động đối thoại định kỳ của Hội đồng quốc gia về An toàn, vệ sinh lao động. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động[[22]](#footnote-22); quản lí chất lượng sản phẩm hàng hóa[[23]](#footnote-23). Trình Thủ tướng Chính phủ cắt giảm hơn 64% thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh dịch vụ huấn luyện và kiểm định kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động; điều chỉnh giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ 1% xuống còn 0,5 % và 0,3% đối với người sử dụng lao động; Bình quân mỗi năm hỗ trợ huấn luyện nâng cao năng lực hơn 10.000 cán bộ quận huyện, phường, xã, thị trấn, ban quản lý các khu công nghiệp về nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động. Theo dõi, cập nhật báo cáo nhanh, điểm báo, biên bản điều tra về tai nạn lao động để xử lý hoặc kiến nghị các biện pháp khắc phục kịp thời; có văn bản chấn chỉnh, chỉ đạo đối với những vụ tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng; văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng ngừa tai nạn lao động tái diễn trong lĩnh vực thi công xây dựng; tần suất tai nạn lao động đã giảm bình quân 5% hằng năm.

Quản lý, theo dõi lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; hướng dẫn các cơ quan liên quan gia hạn giấy phép lao động cho người lao động đang làm việc tại Việt Nam; cấp giấy phép lao động mới cho các chuyên gia, nhà quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật là người nước ngoài để thay thế cho những người không được nhập cảnh hoặc không nhập cảnh trở lại Việt Nam[[24]](#footnote-24). Nhìn chung, thời gian qua, đội ngũ chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao vào làm việc tại Việt Nam đã đáp ứng một phần nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của nước ta.

***2.4. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, đời sống người có công và thân nhân được nâng cao***

Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi); thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đẩy mạnh các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”; tiếp tục giải quyết tồn đọng hồ sơ đề nghị xác nhận người có công tại các địa phương; cơ bản hoàn thành hỗ trợ nhà ở đối với người có công có khó khăn về nhà ở. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 14/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Hướng dẫn các địa phương tặng quà Tết của Chủ tịch nước cho 1,7 triệu đối tượng người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 với tổng kinh phí hơn 358 tỷ đồng; tặng quà nhân dịp ngày 27/7 với kinh phí hơn 330 tỷ đồng.

Thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đẩy mạnh các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”. Rà soát, tổng hợp tình hình giải quyết tồn đọng hồ sơ đề nghị xác nhận người có công tại các địa phương; Đổi mới công tác chi trả trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng được thực hiện thí điểm qua hệ thống Bưu điện tại 21 tỉnh, thành phố. Tổ chức triển khai các hoạt động kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ; trong đó có hoạt động gặp mặt 300 Mẹ Việt Nam anh hùng toàn quốc tại thành phố Hà Nội và Lễ trao Bằng Tổ quốc ghi công tại tỉnh Quảng Nam. Trình Thủ tướng Chính phủ cấp Bằng Tổ quốc ghi công đối với 13 cán bộ, chiến sĩ hy sinh ngày 13/10/2020 khi thực hiện nhiệm vụ cứu nạn tại khu vực Thuỷ điện Rào Trăng 3, tỉnh Thừa Thiên Huế và 22 chiến sĩ thuộc Bộ Quốc phòng đã hy sinh ngày 18/10/2020 trong khi thực hiện nhiệm vụ giúp dân khắc phục hậu quả mưa lũ tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Trình Thủ tướng Chính phủ công nhận và cấp Bằng Tổ quốc ghi công đối với 615 liệt sĩ, cấp đổi lại 10.744 Bằng Tổ quốc ghi công. Tiếp tục thực hiện Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin[[25]](#footnote-25); tổ chức gắn bia ghi tên trên mộ liệt sĩ và báo tin tới thân nhân liệt sĩ; phối hợp với Bộ Xây dựng hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở[[26]](#footnote-26).

Huy động nguồn lực của xã hội, cộng đồng chăm lo đời sống người có công với cách mạnh[[27]](#footnote-27); phong trào nhận phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng được tiếp tục đẩy mạnh, góp phần tích cực chăm lo đời sống của các đối tượng và gia đình có công với cách mạng[[28]](#footnote-28). Các hoạt động điều dưỡng, thăm hỏi, tiếp đón người có công các tỉnh, thành phố được thực hiện chu đáo. Hỗ trợ bình quân trên 500 tỷ đồng/năm để tu sửa, nâng cấp mộ liệt sĩ, các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm đảm bảo khang trang.

Nhìn chung, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng đã được xây dựng và thực hiện giai đoạn 2016-2020 tương đối toàn diện, ngoài trợ cấp thường xuyên còn có chế độ chăm sóc sức khỏe, cải thiện nhà ở, ưu đãi trong y tế, giáo dục đào tạo, sản xuất kinh doanh, tạo việc làm. Đời sống người có công không ngừng được nâng lên, mức chuẩn trợ cấp tăng từ 1.318.000 đồng năm 2015 lên 1.624.000 đồng năm 2020, đến nay 99,7% hộ gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú; giải quyết dứt điểm, không còn hộ người có công thuộc diện hộ nghèo. Đặc biệt, Bộ đã ban hành và tổ chức thực hiện Thực hiện Quyết định số 408/QĐ-LĐTBXH ngày 20/3/2017 về việc giải quyết hồ sơ tồn đọng đề nghị xác nhận người có công[[29]](#footnote-29). Tổ chức kỷ niệm Ngày thương binh - Liệt sỹ 27/7 với nhiều hoạt động đền ơn, đáp nghĩa thiết thực; đặc biệt đã tổ chức gặp mặt các Thương binh nặng tiêu biểu, các bà mẹ Việt Nam anh hùng và lễ trao Bằng tổ quốc ghi công; qua đó, thể hiện rõ sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng và thân nhân.

***2.5. Các lĩnh vực xã hội hội được thực hiện đồng bộ, hiệu quả***:

Đánh giá, tổng kết Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020; tổ chức thành công Lễ tuyên dương “Những tấm gương sáng thầm lặng vì cộng đồng” năm 2020 nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân có những đóng góp cho công tác xã hội và bảo đảm an sinh; Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc Tổng kết công tác giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 và trao tặng Huân chương Lao động, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ cho các tập thể, cá nhân trong Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”[[30]](#footnote-30).

*a) Thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững, thu nhập của hộ nghèo được nâng lên, đời sống được cải thiện rõ rệt:*

Các kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo đều đạt và vượt so với chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) của cả nước giảm từ 9,88% cuối năm 2015 xuống còn 2,75% vào cuối năm 2020, giảm bình quân 1,43%/năm; riêng các huyện nghèo giảm còn dưới 24%, giảm bình quân trên 5,6%/năm; bình quân tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vùng dân tộc và miền núi giảm khoảng 3-4%/năm; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân 4%/năm.

Thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, người dân trên địa bàn nghèo, vùng đặc biệt khó khăn được nâng lên, cải thiện rõ rệt giai đoạn 2016-2020, thu nhập bình quân của người nghèo tăng 2,3 lần. Người nghèo có khả năng lao động được hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt phù hợp với nhu cầu. Hỗ trợ hơn 13.000 dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả với trên 2,2 triệu hộ hưởng lợi; tổng kinh phí thực hiện là 8.000 tỷ đồng. Hơn 2,5 triệu lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo được học nghề, tạo việc làm, bồi dưỡng kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, kỹ năng nghề nghiệp, sản xuất, kinh doanh, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để vươn lên thoát nghèo, làm giàu. Hỗ trợ cho 5.500 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài.

Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, liên kết vùng nghèo được ưu tiên từng bước đầu tư[[31]](#footnote-31), đã góp phần nâng cao đời sống nhân dân và làm thay đổi bộ mặt địa bàn nghèo, đặc biệt khó khăn; nhiều địa bàn nghèo đã nỗ lực thoát nghèo, thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020. Năm 2020, có 32 huyện nghèo, 103 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng khó khăn. Đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có 550 xã hoàn thành Chương trình 135 và 1.286 thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135.

Ngân sách trung ương bố trí thực hiện năm 2020 cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 10.059,141 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 7.436,452 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 2.622,689 tỷ đồng) để thực hiện hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn (tập trung vào các công trình đường giao thông, trường học, trạm y tế); hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hộ tham gia mô hình; hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức và hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài[[32]](#footnote-32). Các mô hình, cách làm hay giúp người dân giảm nghèo ở các địa phương được nhân rộng, chia sẻ, tuyên truyền. Hộ nghèo và các đối tượng chính sách bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 được Ngân hàng Chính sách xã hội gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, giải ngân cho vay mới, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển sản xuất, kinh doanh, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống, vươn lên thoát nghèo.

Các chính sách giảm nghèo thường xuyên được bố trí kinh phí để triển khai thực hiện: Ngân sách trung ương đã bố trí 22.850 tỷ đồng để thực hiện một số chính sách an sinh xã hội như: chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề; chính sách y tế (mua thẻ BHYT cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người thuộc hộ cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người hiến tạng) và các chính sách đảm bảo xã hội khác như hỗ trợ tiền điện, trợ giúp pháp lý; thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội[[33]](#footnote-33).

Phong trào thi đua: “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không ai bị bỏ lại phía sau” do Thủ tướng Chính phủ phát động đã được triển khai sâu rộng, đem lại hiệu quả thiết thực, các cấp, các ngành, người dân và đặc biệt là người nghèo đã nỗ lực, thi đua thực hiện; phong trào thoát nghèo đã được nhiều hộ nghèo thực hiện trên phạm vi cả nước, nhiều tấm gương sáng nổi bật, điển hình trong cộng đồng như cụ bà Đỗ Thị Mơ (84 tuổi) xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; 44 hộ nghèo người Dao ở xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh; 470 hộ nghèo ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; 51 hộ ở vùng cao Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; 25 hộ tại huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình và nhiều tấm gương sáng, điển hình thoát nghèo khác trên cả nước.

Phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức thành công Chương trình Truyền hình trực tiếp “Cả nước chung tay vì người nghèo” năm 2020[[34]](#footnote-34). Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020; Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025. Tham mưu triển khai các hoạt động của Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 nhằm thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ đề ra; thúc đẩy sự chủ động vươn lên thoát nghèo của các hộ gia đình. Nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ ban hành chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

*b) Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng và nâng dần mức trợ cấp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn:*

Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương tập trung rà soát, nắm bắt cụ thể tình hình đời sống của các đối tượng chính sách (người có công, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người dân ở vùng bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, bão lũ...) để có biện pháp quan tâm, hỗ trợ kịp thời. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà dịp Tết đúng đối tượng, đúng chế độ, đảm bảo tất cả các đối tượng chính sách đều có quà và được nhận quà trước Tết với kinh phí ước tính khoảng 1.931 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh: 766 tỷ đồng; Ngân sách cấp huyện, xã: 318 tỷ đồng; nguồn vận động, xã hội hóa: 846 tỷ đồng.

Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội; nhất là chính sách hỗ trợ, chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tổ chức Lễ tuyên dương “Những tấm gương sáng thầm lặng vì cộng đồng” năm 2020. Thực hiện chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng đầy đủ cho trên 3,1 triệu đối tượng bảo trợ xã hội[[35]](#footnote-35) với tổng kinh phí trên 18.000 tỷ đồng. Công tác chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội thông qua cơ quan Bưu điện đã được triển khai tại 61 tỉnh, thành phố[[36]](#footnote-36). Luật người cao tuổi và Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi được triển khai đồng bộ, lồng ghép bằng nhiều hình thức phong phú, tác động tích cực đến nhận thức của cộng đồng về chăm sóc, phụng dưỡng và phát huy tốt vai trò người cao tuổi[[37]](#footnote-37).

Thực hiện tốt công tác cứu trợ đột xuất, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cấp gạo cứu đói Tết Nguyên đán[[38]](#footnote-38) và những tháng giáp hạt đầu năm[[39]](#footnote-39) cho người dân ở một số địa phương khó khăn và hỗ trợ khắc phục hậu quả do ảnh hưởng của thiên tai, mưa lũ[[40]](#footnote-40); bên cạnh đó, Bộ đã trình Chính phủ cấp 1.250 tỷ đồng cho 9 tỉnh[[41]](#footnote-41) để khắc phục hậu quả do mưa bão gây ra, trong đó ưu tiên thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ gia đình có người chết, mất tích, bị thương, hỗ trợ sửa chữa nhà bị đổ, sập, hư hỏng, di dân khẩn cấp, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại, khắc phục các cơ sở hạ tầng thiết yếu bị hư hỏng do bão, lũ gây ra.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp xã hội, huy động nhiều nguồn lực trợ giúp những người thiệt thòi, yếu thế, tạo điều kiện để các đối tượng có điều kiệnkhắc phục khó khăn, vươn lên hoà nhập cộng đồng; tổ chức tốt công tác trợ giúp đối tượng tại cộng đồng.

Nhìn chung, giai đoạn 2016-2020 chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội từng bước được hoàn thiện. Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật và các chương trình, đề án trợ giúp đối tượng yếu thế được thực hiện đồng bộ[[42]](#footnote-42); cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 100% người cao tuổi, người khuyết tật. Rà soát, nắm bắt tình hình đời sống của các đối tượng chính sách (người có công, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người dân ở vùng bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, bão lũ...) để có biện pháp quan tâm, hỗ trợ kịp thời. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán hằng năm đúng đối tượng, chế độ, đảm bảo tất cả các đối tượng chính sách đều có quà và được nhận quà trước Tết[[43]](#footnote-43). Thực hiện đúng mục tiêu mở rộng đối tượng và nâng cao mức trợ giúp, bảo đảm các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp kịp thời, cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản ngày càng tốt hơn; chính sách trợ giúp xã hội đã bao phủ hầu hết các nhóm đối tượng ở mọi lứa tuổi, 3% dân số và 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên hằng tháng; bảo đảm 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói, dịch bệnh được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói; chăm sóc và phát huy tốt hơn vai trò người cao tuổi; người khuyết tật được trợ giúp phục hồi chức năng, đào tạo nghề, tạo việc làm nên đời sống được ổn định và có phần cải thiện. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội được củng cố, phát triển, đến nay cả nước đã thành lập được 425 cơ sở trợ giúp xã hội[[44]](#footnote-44); nuôi dưỡng, chăm sóc tập trung cho khoảng trên 42 nghìn đối tượng. Đội ngũ cán bộ, nhân viên, cộng tác viên về công tác xã hội; trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí tại các địa phương được quan tâm phát triển, đào tạo nâng cao năng lực.

*c) Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được đẩy mạnh; xây dựng môi trường sống an toàn để thực hiện đầy đủ quyền trẻ em:*

Bộ đã chủ trì việc tham mưu phối hợp với các cơ quan của Quốc hội tổng hợp, phân tích dữ liệu, xây dựng báo cáo của Chính phủ và của các đoàn giám sát (thực hiện Nghị quyết số 81/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội); phối hợp trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28/9/2020 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 của Quốc hội, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em 2021- 2030, Chương trình quốc gia phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030, trong đó lồng ghép các mục tiêu về trẻ em của Chương trình nghị sự phát triển bền vững 2030, các chương trình, đề án về bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.

Triển khai các giải pháp ứng phó tác động trước mắt và lâu dài của đại dịch Covid-19 đến trẻ em[[45]](#footnote-45); tăng cường công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em[[46]](#footnote-46); giảm tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt đuối nước trẻ em[[47]](#footnote-47). Tiếp tục tăng cường phối hợp liên ngành thực hiện quyền trẻ em[[48]](#footnote-48). Đẩy mạnh công tác truyền thông về thực hiện quyền trẻ em và công tác bảo vệ trẻ em[[49]](#footnote-49); phát động Tháng hành động vì trẻ em năm 2020 với chủ đề “Chung tay bảo vệ trẻ em”[[50]](#footnote-50); nâng cao hiệu quả hoạt động Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em[[51]](#footnote-51).

Các tỉnh, thành phố đã tăng cường chỉ đạo công tác trẻ em thông qua việc xây dựng ban hành kế hoạch triển khai các chương trình, đề án mới; tích cực triển khai phối hợp liên ngành trong thực hiện quyền trẻ em (triển khai theo dõi việc cấp phát, sử dụng thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; theo dõi tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; công tác chăm sóc trẻ em khuyết tật; đặc biệt là truyền thông, quản lý, theo dõi, đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến trẻ em). Tiếp tục duy trì, phát triển các điểm vui chơi cho trẻ em, thực hiện quyền tham gia của trẻ em; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt[[52]](#footnote-52). Trong 03 năm qua (từ năm 2017 đến năm 2019), các tỉnh, thành phố đã tổ chức được 3.403 Diễn đàn trẻ em các cấp, trong đó 133 Diễn đàn trẻ em cấp tỉnh, 642 Diễn đàn trẻ em cấp huyện, 2.628 Diễn đàn trẻ em cấp xã. Diễn đàn trẻ em quốc gia trong giai đoạn 2016-2020 được tổ chức 02 lần vào năm 2017 và 2019 với 45 thông điệp, kiến nghị và 55 câu hỏi của trẻ em gửi đến Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ban, ngành.

Triển khai hiệu quả hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; nhân rộng các mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tích cực huy động nguồn lực từ cộng đồng, xã hội để hỗ trợ cho trẻ em, trong 5 năm Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam đã vận động được 429,2 tỷ đồng, thực hiện hỗ trợ cho trên 590 nghìn lượt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với tổng kinh phí hỗ trợ trên 352 tỷ đồng. Đến nay có 6,2 triệu ngôi nhà thuộc các hộ gia đình có trẻ em đạt tiêu chí Ngôi nhà an toàn, 26.000 trường học đạt tiêu chuẩn Trường học an toàn, 6.000 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn Cộng đồng an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em. Các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra, cuối năm 2020 có 72% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp dưới các hình thức[[53]](#footnote-53); 55% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em[[54]](#footnote-54).

*d) Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đạt được nhiều kết quả tích cực; khoảng cách giới trên tất cả các mặt được dần thu hẹp:*

Hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng giới năm 2020 cho các bộ, ngành và địa phương. Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020 của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. Tăng cường công tác tuyên truyền về bình đẳng giới, nhất là các hoạt động nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2020. Báo cáo việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2019 và giai đoạn 2011-2020 trình Chính phủ để trình Quốc hội. Trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 và Đề án Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025.

Tham dự Diễn đàn cấp cao về Phụ nữ và Kinh tế APEC (trực tuyến) tổ chức vào ngày 30/9/2020. Đẩy mạnh triển khai Tuyên bố của Lãnh đạo ASEAN về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh trong bối cảnh mới. Hợp tác với UNICEF và UN Women xây dựng tài liệu hướng dẫn an toàn cho trẻ em và phụ nữ tại nơi cách ly tập trung trong phòng, chống dịch Covid-19. Tham gia Hội nghị đặc biệt trực tuyến quốc tế về các biện pháp bảo vệ và phòng, chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 do Ủy ban ASEAN về Thúc đẩy và Bảo vệ quyền của Phụ nữ và Trẻ em (ACWC) phối hợp với Ban Thư ký ASEAN và các nước thành viên ASEAN tổ chức vào ngày 5/6/2020. Phối hợp với các cơ quan Liên hợp quốc và các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, hỗ trợ các dịch vụ cho các nạn nhân bị bạo lực.

Nhìn chung, năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới được nâng cao; nhận thức về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ có nhiều thay đổi, chuyển biến rõ rệt; khoảng cách bất bình đẳng giới dần được thu hẹp từng bước. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm 2020 là 48,3 triệu người; lực lượng lao động nữ trong độ tuổi lao động đạt 21,9 triệu người, chiếm 45,4% lực lượng lao động trong độ tuổi của cả nước. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ, đặc biệt ở khu vực nông thôn được chú trọng, ước có khoảng trên 50% lao động nữ được học nghề theo chính sách của Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; trên 48% lao động nữ được giải quyết việc làm. Chỉ số phát triển giới của Việt Nam nằm trong 5 quốc gia cao nhất thế giới. Vai trò, địa vị của phụ nữ được củng cố và nâng cao cả trong gia đình và ngoài xã hội. Tỷ lệ nữ là lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, Chính quyền từ trung ương đến địa phương cũng như tỷ lệ nữ là lãnh đạo doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh đều tăng. Các chỉ số cam kết giảm bất bình đẳng năm 2020 Việt Nam đứng thứ 2 trong ASEAN và 77/158 quốc gia về đảm bảo bình đẳng giới và thúc đẩy quyền của phụ nữ.

*đ) Công tác cai nghiện ma túy, phòng chống mại dâm; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán được quan tâm chỉ đạo thực hiện*

Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm; có các giải pháp đảm bảo thực hiện tốt công tác cai nghiện ma túy trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát mạnh. Sau khi đại dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu cho Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan ở địa phương tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với những trường hợp người nghiện ma túy theo quy định; tổ chức tốt công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy nhằm bảo đảm an toàn và trật tự xã hội. Đến hết tháng 10 năm 2020, các cơ sở cai nghiện ma túy trên cả nước đã điều trị, cai nghiện cho 64.549 lượt người, trong đó số tiếp nhận mới là 26.305 người (số cai nghiện tự nguyện: 8.436 lượt người, số cai bắt buộc theo quyết định của Tòa án: 17.869 lượt người), số chuyển từ năm 2019 sang 38.244 người, số tái hòa nhập cộng đồng 19.563 người. Hiện nay, tổng số người đang quản lý tại cơ sở cai nghiện: 38.409 người, trong đó 30.253 người cai nghiện bắt buộc, 5.181 người cai nghiện tự nguyện và 2.975 người trong cơ sở xã hội. Duy trì hoạt động 5.892 tổ công tác cai nghiện ma túy với 42.804 lượt cán bộ tham gia; trong năm đã vận động được 2.663 lượt người đăng ký cai nghiện tại cộng đồng và 3.011 lượt người đăng ký cai nghiện tại gia đình; phát triển hình thức cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện dân lập cho khoảng gần 1.276 lượt người; tổ chức quản lý sau cai cho 26.876 người.

Tiếp tục thực hiện các hoạt động phòng ngừa mại dâm thông qua lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ xã hội cho người bán dâm ở 21 tỉnh, thành phố; triển khai và duy trì 113 điểm thực hiện can thiệp theo 03 mô hình của Chương trình, trong đó, có 12 địa phương tổ chức xây dựng mô hình tăng cường năng lực của các nhóm đồng đẳng, nhóm tự lực của người bán dâm trong tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, 9 địa phương triển khai mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng và trung tâm công tác xã hội, 17 địa phương triển khai mô hình hỗ trợ nhằm đảm bảo quyền của người lao động trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm với tổng số người bán dâm tham gia ban chủ nhiệm câu lạc bộ, nhóm tự lực, nhóm đồng đẳng trên là 4.463 người. Làm tốt công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, tính đến hết tháng 10/2020 có 100 nạn nhân và 100% số nạn nhân này được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định.

Nhìn chung, giai đoạn 2016-2020, công tác phòng, chống mại dâm, cai nghiện ma túy và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán được các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo đồng bộ từ trung ương đến địa phương; kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình triển khai; việc xây dựng và tổ chức triển khai thí điểm các mô hình, dịch vụ hỗ trợ xã hội người bán dâm ở cộng đồng, các mô hình thí điểm trong cai nghiện ma túy bước đầu có hiệu quả, mang lại nhiều cách tiếp cận mới, làm cơ sở cho việc đề xuất các chính sách, pháp luật trong thời gian tới. Nhiều địa phương ban hành các chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ cho công tác cai nghiện ma túy. Các cơ sở cai nghiện bắt buộc đã tổ chức cai nghiện cho 172.963 lượt người *(trong đó: cai nghiện tự nguyện là 64.273 lượt người; cai bắt buộc theo quyết định của Tòa án là 108.690 lượt người; quản lý sau cai nghiện tại cơ sở cai nghiện: 4.023 người; tổ chức dạy văn hóa, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm cho 108.481 lượt người);* thực hiện cai nghiện cho 27.917 lượt người tại cộng đồng và 22.237 lượt người tại gia đình; quản lý sau cai nghiện tại cộng đồng cho 116.035 người. Bên cạnh đó, 16 cơ sở cai nghiện ma túy do tư nhân thành lập đã cai nghiện cho khoảng gần 4.000 lượt người. Theo báo cáo của các lực lượng chức năng, từ năm 2016 đến tháng 7/2020, toàn quốc đã tổ chức giải cứu, tiếp nhận, xác minh gần 4.000 người, trong đó xác định 1.715 người là nạn nhân bị mua bán; 100% nạn được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Dự kiến hoàn thành mục tiêu đề ra năm 2020 và 5 năm 2016-2020 là: áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc cho 100% người nghiện ma túy có quyết định của Tòa án; tỷ lệ người nghiện ma túy được điều trị so với số người nghiện có hồ sơ quản lý đạt 72%; 100% nạn nhân bị mua bán được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

**3. Về** **nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực**

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) của Bộ năm 2020; Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020, xây dựng Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020; Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC); Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025. Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ các điều kiện kinh doanh trước và sau khi bãi bỏ, đơn giản hóa đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ theo nhiệm vụ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ. Tích hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến “Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động” lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia bắt đầu từ ngày 13/3/2020; công bố và đăng tải trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hồ sơ 17 TTHC[[55]](#footnote-55). Triển khai xây dựng Ứng dụng an sinh xã hội thông minh trên thiết bị di động (Molisa 3S) nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh lực lao động, người có công và xã hội, đặc biệt là hỗ trợ các đối tượng yếu thế ứng phó với dịch bệnh Covid-19; ban hành Quyết định số 480/QĐ-LĐTBXH ngày 29/4/2020 công bố các thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

Giai đoạn 2016-2020 đã thực hiện cắt giảm 13/32 nhóm sản phẩm hàng hóa (SPHH), chiếm tỷ lệ 40,62% và đơn giản hóa về phương thức kiểm tra (được thông quan trước, kiểm tra sau) đối với 06/32 SPHH, chiếm tỷ lệ 18,75% phải kiểm tra về chất lượng khi nhập khẩu. Như vậy, tổng số SPHH cả cắt giảm và đơn giản hóa là 19/32 SPHH, đạt tỷ lệ 59,38% (vượt chỉ tiêu Chính phủ giao là 50%). Thực thi cắt giảm, đơn giản hóa 66 điều kiện kinh doanh (ĐKKD) trên tổng số 107 ĐKKD, đạt tỷ lệ 61,68 %; trong đó các lĩnh vực: an toàn lao động 11 điều kiện, giáo dục nghề nghiệp 43 điều kiện, phòng, chống tệ nạn xã hội 09 điều kiện, lao động - tiền lương 02 điều kiện, việc làm 01 điều kiện; bãi bỏ, đơn giản hóa 119 thủ tục hành chính.

- Tiếp tục xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc Bộ. Triển khai công việc xây dựng bản mô tả, khung năng lực vị trí việc làm theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ; xét tuyển sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào công tác tại các đơn vị thuộc Bộ và tinh giản biên chế theo kế hoạch[[56]](#footnote-56). Rà soát, bổ sung quy hoạch[[57]](#footnote-57) lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026 gắn với sắp xếp, bổ nhiệm, kiện toàn các vị trí, chức vụ lãnh đạo, quản lý, đảm bảo quy hoạch thực chất, tránh hình thức. Làm tốt công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý[[58]](#footnote-58). Tiếp tục sắp xếp doanh nghiệp nhà nước; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Giai đoạn 2016-2020 đã giảm được 15 phòng ở các đơn vị hành chính trực thuộc và 44 phòng ở các đơn vị sự nghiệp; cắt giảm 65 công chức và tinh giản 91 người (04 công chức và 87 viên chức) và 97 viên chức Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II được chuyển sang cơ chế tự chủ hoàn toàn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, nắm tình hình và giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp phát sinh liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tại các địa phương. Năm 2020, Thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai 2.017 cuộc thanh tra (giảm 73% so với năm 2019). Qua thanh tra, ban hành 9.835 kiến nghị (giảm 77,2% so với năm 2019); 320 quyết định xử phạt vi phạm hành chính (giảm 78,6% so với năm 2019) với tổng số tiền xử phạt là 11,37 tỷ đồng (giảm 75,9% so với năm 2019); kiến nghị đình chỉ trợ cấp, thu hồi số tiền đối tượng hưởng sai chính sách là 244,894 tỷ đồng (tăng 51,5% so với năm 2019) [[59]](#footnote-59). Giải quyết kịp thời các vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, đặc biệt đối với lĩnh vực người có công. Làm tốt công tác thông tin, báo cáo giữa Thanh tra, các đơn vị chức năng thuộc Bộ với các địa phương. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân[[60]](#footnote-60), tiếp nhận, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo[[61]](#footnote-61). Triển khai Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2020; chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ xác định các vị trí có nguy cơ cao tham nhũng và xây dựng các biện pháp phòng ngừa. Thông tin đầy đủ, kịp thời các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm để doanh nghiệp, người dân hiểu và chia sẻ, nhằm tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật.

**4. Về** **nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế**

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội trong khuôn khổ song phương, đa phương, ASEAN và các tổ chức phi chính phủ. Tích cực tổ chức các hoạt động trong năm Chủ tịch ASEAN đúng tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả[[62]](#footnote-62); trong đó, tổ chức Hội nghị Bộ trưởng trực tuyến của Cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN lần thứ 23 và 24 và các Hội nghị cấp quan chức liên quan; Hội nghị cấp cao của các Bộ trưởng Lao động ASEAN và các Bộ trưởng Giáo dục ASEAN về Phát triển Nguồn nhân lực cho thế giới công việc đang đổi thay; Hội nghị Bộ trưởng Lao động ASEAN và Bộ trưởng Lao động Phúc lợi Xã hội và Phát triển ASEAN đặc biệt về Covid-19; đảm bảo được tiến độ và nội dung của các văn kiện, Tuyên bố quan trọng được Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 36 và 37 thông qua và ghi nhận do Bộ chủ trì[[63]](#footnote-63)…

Các hoạt động hợp tác song phương, đa phương, phi Chính phủ tiếp tục được đẩy mạnh; tổ chức 02 hội thảo trực tuyến với các đối tác Thụy Sĩ, Thái Lan, Malaysia và gần 100 doanh nghiệp FDI tại Việt Nam để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm ứng phó tác động của dịch Covid-19 đối với lao động, việc làm, an sinh xã hội; tham dự các cuộc họp trực tuyến về lao động và việc làm trong khuôn khổ G20 với vai trò Chủ tịch ASEAN; thực hiện thủ tục phê chuẩn Hiệp định EVFTA và xây dựng kế hoạch triển khai sau khi phê chuẩn liên quan đến nội dung về lao động.

**5.** **Phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc ngành**

Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thông tin, báo chí,nghiên cứu khoa học, các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; cơ sở trợ giúp xã hội; cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng có chuyển biến tích cực. Hoàn thành chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại 02 doanh nghiệp thuộc Bộ về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước; thực hiện kế hoạch cổ phần hóa Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực I, II và III.

Các đơn vị sự nghiệp khoa học - công nghệ tiếp tục hoạt động hiệu quả, đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Bộ triển khai thực hiện nhiều chương trình nghiên cứu trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; trong giai đoạn 2016-2020 đã triển khai thực hiện 01 đề tài cấp nhà nước; nghiên cứu 169 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ; công bố Bản tin thị trường lao động hàng quý và các báo cáo khoa học về lao động, người có công và xã hội, phục vụ kịp thời cho công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ của ngành. Đặc biệt, đã tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược 10 năm 2011 - 2020, phương hướng 10 năm 2021 - 2030 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội, phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2012 – 2020; tham mưu, trình Bộ để trình Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.

Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ[[64]](#footnote-64) thực hiện tốt công tác đào tạo học sinh, sinh viên và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức hội nhập quốc tế cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công chức, viên chức; cơ bản đáp ứng yêu cầu của Bộ, ngành. Các cơ quan báo chí, truyền thông[[65]](#footnote-65) đã tập trung tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; phản ánh kịp thời các vấn đề xã hội và dư luận quan tâm; đặc biệt tuyên tuyền đậm nét về việc thực hiện chính sách về lao động, người có công và xã hội tại các địa phương, tạo đồng thuận xã hội. Các bệnh viện, trung tâm chỉnh hình - phục hồi chức năng của ngành[[66]](#footnote-66) đã tổ chức khám ngoại trú cho hàng trăm nghìn lượt người; tiếp nhận điều trị nội trú, phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng cho hàng chục nghìn lượt người khuyết tật, thương binh. Hệ thống cơ sở điều dưỡng người có công[[67]](#footnote-67) thực hiện điều dưỡng luân phiên cho khoảng 200 nghìn lượt người có công với cách mạng. Các cơ sở trợ giúp xã hội[[68]](#footnote-68) thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung cho trên 40 nghìn đối tượng bảo trợ xã hội.

**6. Công tác tổng hợp, văn phòng, kế hoạch - tài chính** ngày càng đi vào nề nếp, hoạt động hiệu quả hơn;điều hòa tổng thể các công việc của cơ quan, của Bộ với các Bộ ngành, của Bộ với các địa phương nhịp nhàng, uyển chuyển. Đặc biệt trong năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và Chiến lược 10 năm 2011-2020, Văn phòng, Vụ Kế hoạch - Tài chính đã làm tốt công tác tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ; tham mưu tích cực cho Lãnh đạo Bộ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội; cụ thể hóa nội dung các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành các chương trình, kế hoạch hành động của Bộ, ngành. Báo cáo đầy đủ theo yêu cầu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến lĩnh vực của ngành quản lý, đảm bảo chất lượng, tiến độ; tổ chức các cuộc làm việc của lãnh đạo Bộ với các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương, các đơn vị thuộc Bộ, các hội nghị và các điều kiện, phương tiện phục vụ công tác nói chung. Công tác quản trị công sở, quản lý tài sản, trang thiết bị và phương tiện đi lại của cơ quan Bộ được tăng cường, đáp ứng yêu cầu công việc; duy trì, điều phối hoạt động của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo nguồn lực thực hiện đầy đủ các chính sách cho đối tượng và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

**7. Phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy, đoàn thể** trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành; nhất là tổ chức thành công Đại hội đảng các cấp thuộc Đảng bộ và Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ nhiệm kỳ 2020-2025 tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

**8. Đánh giá chung**

***a) Mặt được***

Sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, 5 năm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2016-2020, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; với sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động toàn ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đã đạt được những kết quả quan trọng. Đã hoàn thiện một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN trong lĩnh vực lao động và xã hội; tôn trọng nguyên tắc thị trường, giảm sự can thiệp của nhà nước, không bỏ lại phía sau các đối tượng yếu thế. Các thiết chế của thị trường lao động từng bước được hình thành và phát triển thúc đẩy sự vận hành linh hoạt, hiệu quả của thị trường như thông lệ các nước, thúc đẩy chuyển dịch lao động giữa các ngành, các khu vực của nền kinh tế. Quy mô nguồn nhân lực được mở rộng, lực lượng lao động tiếp tục tăng từ 54,2 triệu người năm 2015 lên 54,6 triệu người năm 2020[[69]](#footnote-69); cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực, tỷ lệ lao động khu vực nông lâm ngư nghiệp giảm từ 45% năm 2015 xuống còn 32% năm 2020. Chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện đáng kể và phù hợp với nhu cầu thị trường. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 51,6% năm 2015 lên khoảng 64,5% năm 2020; trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 20,29% năm 2015 lên khoảng 24,5% năm 2020. Nhân lực chất lượng cao tăng cả về số lượng và chất lượng, một số ngành nghề, lĩnh vực đạt trình độ khu vực và quốc tế; chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam trong nhóm phát triển cao, đứng thứ 110/189 quốc gia; trong khu vực Đông Nam Á, chỉ số nguồn nhân lực Việt Nam chỉ đứng sau Singapore. Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị luôn duy trì dưới 4%. Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công với cách mạng, đời sống người có công được nâng lên; phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn được đẩy mạnh; đến nay 99,7% hộ gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú; không còn hộ người có công trong diện hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giảm nhanh, từ 9,88% năm 2015 xuống còn 2,75% cuối năm 2020; thành tích giảm nghèo được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao, đưa Việt Nam thành *“một trong những câu chuyện thành công nhất về giảm nghèo và đóng góp nhiều bài học thành công cho thế giới”*. An sinh xã hội được tăng cường, kịp thời hỗ trợ người dân bị rủi ro trong cuộc sống; đến nay có trên 3,1 triệu người, chiếm trên 3% dân số được hưởng trợ cấp thường xuyên. Thu nhập của người lao động được cải thiện; độ bao phủ của BHXH, Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) không ngừng được mở rộng; đặc biệt, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2020 đạt trên 1 triệu người, tăng 365% so với cuối năm 2015, về đích trước 2 năm so với mục tiêu tại Nghị quyết số 28-NQ/TW. Bình đẳng giới được thực hiện có hiệu quả; khoảng cách giới trên tất cả các lĩnh vực được thu hẹp; địa vị của phụ nữ được cải thiện trong tất cả các mặt của đời sống chính trị, kinh tế - xã hội. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được quan tâm cả về chính sách, pháp luật, tổ chức bộ máy, nguồn lực. Các quyền cơ bản của trẻ em được tôn trọng và đảm bảo. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội được tăng cường; cách tiếp cận, ứng xử đối với các vấn đề nghiện ma túy và mại dâm dựa trên cơ sở tôn trọng quyền con người. Các kết quả đạt được đã góp phần quan trọng vào thực hiện mục tiêu công bằng xã hội, kiểm soát và đảm bảo trật tự, kỷ cương và an toàn xã hội.

***b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân***

Bên cạnh những mặt tích cực, những kết quả đáng ghi nhận kể trên vẫn còn những hạn chế, tồn tại. Một số chính sách chất lượng chưa cao. Cơ cấu đào tạo nghề theo cấp trình độ và ngành nghề còn chưa theo kịp yêu cầu của thị trường lao động và phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Việc thiết lập quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ còn nhiều thách thức. Tỷ lệ bao phủ của bảo hiểm xã hội còn thấp. Chính sách bảo hiểm thất nghiệp chưa thực sự trở thành một công cụ quản trị thị trường lao động. Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên còn cao. Chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài còn hạn chế. Quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam còn bất cập. Tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ và ô nhiễm môi trường lao động diễn biến phức tạp. Tỷ lệ đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội vẫn thấp hơn thực tế những người cần trợ giúp. Mức trợ cấp còn thấp. Thành quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ tái nghèo còn cao. Tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực và xâm hại trẻ em chưa được ngăn chặn và xử lý kịp thời. Chất lượng dịch vụ xã hội còn hạn chế; khoảng cách phát triển giữa các nhóm dân cư, các địa bàn và chênh lệch giàu nghèo còn lớn.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Bên cạnh tác động, ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, có thể kể đến các nguyên nhân chủ quan như: năng lực của bộ máy quản lý nhà nước ở nhiều địa phương còn hạn chế, chưa thực sự chủ động trong tham mưu, đề xuất thực hiện các nhiệm vụ của ngành trên địa bàn; chất lượng công tác dự báo, lập và tổ chức thực hiện kế hoạch của ngành còn hạn chế; nguồn lực nhà nước dành cho lĩnh vực an sinh xã hội tăng dần qua các năm song vẫn chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu; nhiều địa phương phân bổ, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án chưa bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu; chế độ thông tin, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của ngành ở địa phương, đơn vị chưa nhanh chóng, ảnh hưởng đến việc nắm thông tin để kịp thời tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách cũng như giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh. Các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trên cần được xem xét một cách nghiêm túc và rút kinh nghiệm, khắc phục triệt để trong thời gian tới.

***c) Bài học kinh nghiệm***

Một là, phải luôn quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật Nhà nước; bám sát thực tiễn của đất nước, nắm bắt nhanh những diễn biến mới và nâng cao năng lực phân tích, dự báo để kịp thời xác định mục tiêu; lựa chọn chính xác những vấn đề cốt lõi, nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá để đề ra chính sách, giải pháp phù hợp, vừa có tính chiến lược, dài hạn, vừa bảo đảm đáp ứng các yêu cầu cụ thể trước mắt, trong ngắn hạn nhằm tổ chức thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

*Hai là,* xác định chính sách xã hội là rất quan trọng trong phát triển bền vững đất nước; con người là trung tâm của quá trình phát triển, đảm bảo chính sách xã hội phải được xây dựng và triển khai thực hiện hài hòa, đồng bộ với phát triển kinh tế. Xác định đầu tư cho con người, cho chính sách xã hội là đầu tư cho phát triển; chính sách xã hội phải đảm bảo thực hiện phát triển bao trùm, toàn diện, nhất là nâng cao chất lượng phát triển con người, chất lượng dân số; nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người.

 *Ba là,* sâu sát, cụ thể đến từng khâu, từng công đoạn, từng địa bàn, từng đối tượng; kiểm tra, giám sát thường xuyên để kịp thời phát hiện, xử lý những khó khăn, vướng mắc và nhân rộng cách làm hay, mô hình tốt. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn lực trong nước; đồng thời chủ động tăng cường hội nhập quốc tế để vận động, thu hút nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế phục vụ xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Bốn là, làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giải thích chính sách pháp luật. Chủ động cung cấp thông tin chính thức, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch về các giải pháp chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước để nhân dân hiểu và chia sẻ; tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin, tham gia đối thoại làm rõ chính sách, tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội.

*Năm là,* làm tốt công tác dân vận, chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể ở các cấp địa phương, các doanh nghiệp nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

**PHẦN THỨ HAI**

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM,**

**GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2021**

Năm 2021 và thời gian tới dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; đại dịch Covid-19 chưa thể kết thúc ngay, còn tiếp tục ảnh hưởng, tác động tiêu cực kéo dài đến mọi mặt của đời sống xã hội. Đặc biệt, năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi sự nỗ lực, quyết tâm cao độ của toàn ngành.

**I. MỤC TIÊU, PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

**1. Mục tiêu:**

***a. Mục tiêu tổng quát giai đoạn 2021-2025:*** Phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả với chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng phát triển nhanh, bền vững và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân, đáp ứng nhu cầu về cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân; góp phần đảm bảo công bằng xã hội và “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

***b. Mục tiêu chung năm 2021:*** Bảo đảm ổn định và phát triển thị trường lao động linh hoạt và thích ứng nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới mục tiêu bao phủ toàn dân; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống người có công, người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

**2. Chỉ tiêu cụ thể** (tại phụ lục kèm theo).

**3. Phương châm hành động và nhiệm vụ trọng tâm**

Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được của giai đoạn 2016-2020, để thực hiện và hoàn thành mục tiêu được giao; quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ xác định phương châm hành động là *“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, phát triển”* với 6 trọng tâm chỉ đạo, điều hành như sau:

*(1) Chủ động, linh hoạt thực hiện chỉ đạo của Chính phủ thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.*

*(2) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế.*

*(3) Tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả tổ chức, vận hành thị trường lao động;* *đổi mới và hoàn thiện thể chế chính sách về thị trường lao động, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, có hiệu lực cao, bảo đảm các điều kiện cần thiết để các yếu tố thị trường lao động phát triển nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng việc làm thỏa đáng cho người lao động; tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động nhằm bảo đảm đời sống của người dân và duy trì sản xuất.*

*(4) Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động; tạo chuyển biến mạnh mẽ về số lượng, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp cho thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.*

*(5) Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện chính sách xã hội, bảo đảm đồng bộ, khắc phục chồng chéo, trùng lắp. Từng bước hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân; chú trọng nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nhiễm HIV/AIDS và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.*

*(6) Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.*

**II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2021**

**1. Tiếp tục thực hiện linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới**

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao ý thức trong toàn ngành về phòng, chống dịch, tuyệt đối không chủ quan trước dịch bệnh.

Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện gói hỗ trợ của Chính phủ đến đúng đối tượng, hiệu quả; chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; ổn định an sinh xã hội.

**2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, xây dựng hệ thống pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế**

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành nghiêm pháp luật về lao động, người có công và xã hội bảo đảm đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế. Trong đó, tập trung xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); nghiên cứu, đánh giá thực hiện Luật Việc làm, Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật. Xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sửa đổi), Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi).

Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, các cơ chế, chính sách về lao động, người có công và xã hội... để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần giải phóng các nguồn lực cho phát triển, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi.

**3. Phát triển thị trường lao động theo hướng minh bạch, cạnh tranh và hội nhập, đa dạng các hình thức kết nối cung - cầu lao động, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn nhân lực:**

Tiếp tục thực hiện các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy chuyển dịch lao động, phân bổ hợp lý lao động theo định hướng thích ứng với trạng thái phát triển lao động, việc làm và an sinh xã hội trong trạng thái bình thường mới. Triển khai Đề án hỗ trợ phát triển thị trường lao động giai đoạn 2021-2030 (sau khi được phê duyệt). Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc giám sát, điều tiết cung - cầu lao động. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia hiện đại, đồng bộ, thống nhất và có sự liên thông giữa các hệ thống thông tin về giáo dục - đào tạo, tăng khả năng kết nối cung - cầu lao động trên thị trường, giữa người lao động với chủ sử dụng lao động. Từng bước nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về người lao động kết nối thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nâng cao năng lực phân tích, dự báo thị trường lao động. Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực các trung tâm dịch vụ việc làm, hỗ trợ tổ chức các sàn giao dịch việc làm, phát triển mạng thông tin việc làm. Xây dựng cơ chế, chính sách để định hướng, quản lý dịch chuyển lao động theo địa bàn, đảm bảo có cơ cấu phân bổ lao động, việc làm hợp lý trên toàn quốc.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm; hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, các nhóm lao động yếu thế, nhất là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật. Chú trọng tạo việc làm và tăng cường kỹ năng cho người lao động; cải thiện điều kiện làm việc, hỗ trợ chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp; nâng cao tỷ trọng lao động trong khu vực chính thức, tập trung giải quyết việc làm cho lao động khu vực phi chính thức, đặc biệt là lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành nghề. Thực hiện hiệu quả hoạt động cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.

Tiếp tục ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước, chú trọng các thị trường có thu nhập cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động Việt Nam. Làm tốt công tác tạo nguồn lao động, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đưa đi làm việc ở nước ngoài; có giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lao động sau khi làm việc ở nước ngoài về nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tăng cường quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

**4. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo với thị trường lao động, việc làm bền vững, an sinh xã hội**

Tập trung xây dựng, trình Ban Bí thư ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về đổi mới, phát triển GDNN trong tình hình mới; xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; thực hiện tốt Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Thực hiện phân tầng cơ sở GDNN và phân tầng chất lượng đào tạo; chú trọng đầu tư các trường chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực đào tạo; phát triển một số trường chất lượng cao tiếp cận trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông đào tạo nhằm phát triển quy mô đào tạo; trong đó, đẩy mạnh phân luồng học sinh từ trung học cơ sở và trung học phổ thông vào các cơ sở GDNN. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, phát triển và đổi mới GDNN; trọng tâm là hiện đại hóa, thực hiện chuyển đổi số trong đào tạo, nâng cao chất lượng GDNN; chú trọng nâng cao chất lượng đầu ra; tăng cường việc hợp tác giữa các cơ sở GDNN và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng. Kiểm soát chất lượng trong quá trình đào tạo và sau đào tạo; xây dựng và hoàn thiện các quy chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp *(chuẩn đào tạo, chuẩn trường, chuẩn đội ngũ, chuẩn thiết bị đào tạo, định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ đào tạo…)*, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và thực hiện kiểm định chất lượng GDNN. Đẩy mạnh phát triển kỹ năng nghề theo hướng chuẩn hóa, chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, hội nhập quốc tế theo khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia gắn với công tác dự báo nhu cầu kỹ năng theo thị trường và phát triển bền vững.

Tăng cường đào tạo nghề lao động nông thôn, đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động, nhất là đào tạo các kỹ năng làm việc, tính kỷ luật, tác phong công nghiệp. Xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ hoạt động dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh triển khai tự chủ của các cơ sở GDNN; có chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong các cơ sở GDNN; thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong đào tạo chất lượng cao; khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia phát triển GDNN.

**5. Thực hiện chính sách pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội và quan hệ lao động, an toàn lao động và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam**

Cải cách tổng thể, đồng bộ chính sách tiền lương, lấy tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh là cơ sở để điều chỉnh tiền lương trên cơ sở thương lượng, thỏa thuận. Hoàn thiện cơ chế quản lý tiền lương bảo đảm Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào chính sách tiền lương của doanh nghiệp; triển khai thực hiện chính sách tiền lương tối thiểu theo tháng và theo giờ đã được thể chế hóa trong Bộ luật Lao động 2019; xác định mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình người lao động.

Đẩy nhanh cải cách chính sách bảo hiểm xã hội và phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế; kết hợp hài hòa nguyên tắc đóng - hưởng; công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội; tăng nhanh tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; gia tăng nhanh số lao động trong khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách bảo hiểm xã hội, đặc biệt là các hoạt động đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp, tuyên truyền về bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới. Tăng cường quản lý nhà nước về quan hệ lao động; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động. Theo dõi tình hình tranh chấp lao động, đình công; phối hợp với các địa phương sớm giải quyết các cuộc đình công có diễn biến phức tạp, kéo dài nhằm giữ ổn định trật tự xã hội và đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trở lại bình thường.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động, tiếp tục quán triệt, làm chuyển biến nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác an toàn, vệ sinh lao động trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luậtvề an toàn, vệ sinh lao động; đảm bảo an toàn lao động, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; ngăn chặn và giảm trên 5% tần suất tai nạn lao động chết người trong một số lĩnh vực có nguy cơ cao. Hoàn thiện hệ thống tổ chức và tăng cường hoạt động của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động. Tăng cường giám sát việc thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; giám sát an toàn đối với các hệ thống công nghệ, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, ô nhiễm môi trường lao động, từng bước cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động, vệ sinh lao động, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Quản lý, theo dõi lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; hướng dẫn các cơ quan liên quan gia hạn giấy phép lao động cho người lao động đang làm việc tại Việt Nam; cấp giấy phép lao động mới cho các chuyên gia, nhà quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật là người nước ngoài để thay thế cho những người không được nhập cảnh hoặc không nhập cảnh trở lại Việt Nam.

**6. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, nâng cao đời sống người có công với cách mạng**

Tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi); quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025. Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; nâng cao đời sống người có công, bảo đảm đến năm 2025 tất cả người có công đều được xác nhận, công nhận, tôn vinh và thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước. Hướng dẫn các địa phương tặng quà Tết của Chủ tịch nước cho đối tượng người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu. Tổ chức triển khai các hoạt động thiết thực kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ. Đẩy mạnh công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin, phối hợp các bộ, ngành và các địa phương triển khai công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng và giám định gen.

Mở rộng chi trả trợ cấp người có công thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng, cung cấp dụng cụ trợ giúp đối với người có công với cách mạng. Đẩy mạnh các phòng trào “đền ơn đáp nghĩa”, huy động nguồn lực của xã hội để chăm sóc người có công, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người có công. Tu sửa, nâng cấp mộ liệt sĩ, các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm đảm bảo khang trang.

**7. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bao trùm, nâng cao chất lượng cuộc sống, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập của người nghèo so với bình quân chung của cả nước**

 Hoàn thiện phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đa chiều gắn với các mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025. Xây dựng, trình ban hành Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bao trùm đến năm 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng; triển khai các mô hình việc làm công gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn; các mô hình hợp tác, liên kết với giữa các hộ nghèo với doanh nghiệp trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm, thu hút lao động nghèo vào làm việc ổn định trong các doanh nghiệp. Tiếp tục chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và Nhân dân nhằm tạo đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để thực hiện mục tiêu đặt ra; thúc đẩy phong trào “thoát nghèo, bảo đảm an sinh xã hội” sâu rộng trên phạm vi cả nước; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên của người nghèo, địa bàn nghèo; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án về giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung đầu tư và kết nối địa bàn nghèo, vùng lõi nghèo; đáp ứng nhu cầu của người dân về sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản phù hợp (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin và việc làm).

**8. Mở rộng diện bao phủ chính sách an sinh xã hội và nâng dần mức trợ cấp; thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách trợ cấp thường xuyên, đột xuất đối với các đối tượng bảo trợ xã hội**

Triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế; tăng cường trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng. Huy động mọi nguồn lực xã hội, phát triển các hình thức trợ giúp dựa vào cộng đồng để tạo điều kiện, cơ hội cho các đối tượng yếu thế vượt qua hoàn cảnh, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ chính sách bảo trợ xã hội, bảo đảm các đối tượng yếu thế được trợ giúp ổn định cuộc sống; bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi, khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết chính sách an sinh xã hội cho người dân; đổi mới cơ chế quản lý, huy động nguồn lực cho thực thi chính sách; nâng cao nhận thức, năng lực tổ chức thực hiện; đổi mới quy trình xác định đối tượng; giảm bớt trình tự, thủ tục, hồ sơ và thời gian ra quyết định chính sách, trong thực hiện chính sách; tăng cường hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá.

Tập trung xây dựng Quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo cung cấp các dịch vụ công tác xã hội, trợ giúp xã hội cho đối tượng có nhu cầu. Xây dựng, triển khai mô hình chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng; đổi mới công tác trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất; phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão; chuẩn bị một số nền tảng để ứng phó với vấn đề già hóa dân số.

Theo dõi sát tình hình thiên tai, dịch bệnh, thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội dịp Tết Nguyên đán và đợt giáp hạt hằng năm; đảm bảo 100% người dân gặp khó khăn do hậu quả của thiên tai, biến đổi khí hậu, hỏa hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác gây ra được hỗ trợ các điều kiện sống tối thiểu về lương thực, thực phẩm, nhà ở, đất ở, công cụ sản xuất, dạy nghề, giới thiệu việc làm.

**9. Chú trọng công tác phát triển toàn diện trẻ em; thực hiện đầy đủ quyền trẻ em**

Thực hiện các giải pháp tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho mọi trẻ em để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, mối quan hệ xã hội, đảm bảo thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em.

Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại; giảm thiểu tai nạn, thương tích ở trẻ em. Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em; phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

Quan tâm phát triển toàn diện trẻ em, đặc biệt giai đoạn 3 năm đầu đời; tăng cường thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

Phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em; tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào các hoạt động trợ giúp, chăm sóc, bảo vệ trẻ em; nhân rộng các mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, đặc biệt là mô hình phòng, chống xâm hại trẻ em, thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trên phạm vi cả nước.

Tăng cường đánh giá, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình về trẻ em, thực hiện quyền trẻ em; xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra bạo lực, xâm hại trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền trẻ em.

**10. Thực hiện hiệu quả mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới**

Thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Coi trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp và người dân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới, thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động về giới của chính sách trong quá trình xây dựng văn bản; thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, chương trình, đề án về phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

Triển khai các hoạt động nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử; tiếp tục duy trì, nhân rộng và phát triển các mô hình thí điểm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

**11. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật và thực hiện hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm**

Đổi mới việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng, chống tệ nạn xã hội; đa dạng hóa hình thức và nội dung truyền thông, chú trọng truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, truyền thông bằng tiếng dân tộc, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh giáp biên để từ đó phát động và thực hiện phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội.

Nâng cao hiệu quả công tác điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy, nhất là cai nghiện và quản lý sau cai tại cộng đồng, gia đình. Tiếp tục đầu tư, xây dựng, phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ xã hội đối với người bán dâm, người nghiện ma túy và nạn nhân bị mua bán; nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ công tác điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy; phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ cai nghiện tại gia đình.

Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp liên ngành và huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đoàn thể, tổ chức cộng đồng và mọi người dân tham gia, đóng góp vào công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Tăng cường quản lý địa bàn, không để tệ nạn mại dâm gây bức xúc xã hội; duy trì, nhân rộng các mô hình hiệu quả về can thiệp giảm hại, phòng, chống bạo lực, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của người bán dâm tại cộng đồng và các trung tâm hỗ trợ xã hội; hỗ trợ người bán dâm hoàn lương vay vốn, phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

**12.** **Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Đẩy mạnh hơn nữa cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ của Bộ, ngành; triển khai chuyển đổi số lĩnh vực an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; tiếp tục cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

Kiện toàn tổ chức bộ máy, đảm bảo bộ máy của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh tinh giản biên chế, cải cách quản lý biên chế theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Triển khai hiệu quả quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục thực hiện chặt chẽ, hiệu quả việc kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo.

**13. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế**

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động, xã hội; thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế trên các kênh song phương, đa phương và phi chính phủ nước ngoài nhằm huy động nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng, thực hiện các chính sách về lao động, người có công và xã hội.

**14. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền**

Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan tỏa tích cực trong cộng đồng trong thực hiện công tác an sinh xã hội.

**15. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành**

Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp và các địa phương nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tổ chức thực hiện và hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, tạo đà cho các năm tiếp theo./.

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**Phụ lục I**

**Ước thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2016- 2020 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội**

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **TH 2011-2015** | **KH 2016-2020** | **Ước TH 2016-2020** | **Đánh giá** | **Trong đó:** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TH 2016** | **TH 2017** | **TH 2018** | **TH 2019** | **ƯTH 2020** |
| **I** | **CHỈ TIÊU QUỐC HỘI GIAO** |  |  |  |  |  |   |   |   |   |   |
| **1** | **Tỷ lệ lao động qua đào tạo**  | **%** | **51,6** | **65 - 70** | **64,5** | không đạt | **53,6** | **56,8** | **58,6** | **62** | **64,5** |
|   | Có bằng cấp, chứng chỉ  | “ | 20,29 | 25 | 24,5 | không đạt | 20,92 | 22,5 | 23 | 24 | 24,5 |
| **2** | **Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị** | **“** | **3,29** | **<4** | **<4** |  đạt | **3,24** | **3,18** | **3,1** | **3,1** | **3,61** |
| **3** | **Giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước bình quân hằng năm**  | **%** | **2** | **1 - 1,5** | **>1,43** | đạt | **1,65** | **1,53** | **1,47** | **1,48** | **1** |
|   | Riêng các huyện nghèo | % | >5 | 4 | >5,6 | vượt | 5,5 | 5,37 | 5,93 | 5,78 | >5 |
| **II** | **CHỈ TIÊU NGÀNH**  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Giải quyết việc làm | người | 7.826.773 | 7.500.000- 8.000.000 | 7.938.782 | đạt | 1.641.000 | 1.639.751 | 1.648.860 | 1.660.530 | 1.348.641 |
| *a* | *Việc làm trong nước* | *“* | *7.349.000* | *7.000.000-7.500.000* | *7.304.000* | *đạt* | *1.515.000* | *1.505.000* | *1.506.000* | *1.508.000* | *1.270.000* |
| *b* | *Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng* | *“* | *477.773* | *500.000* | *634.782* | *vượt* | *126.000* | *134.751* | *142.860* | *152.530* | *78.641* |
| 2 | Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội  | % | 22,5 |  -  | 33,2 |  - |  - | 29,1 | 30,4 | 32,5 | 33,2 |
| 3 | Số học sinh giáo dục nghề nghiệp được tuyển mới hằng năm | người | 9.170.371 | 10.750.000 | 11.097.055 | vượt | 2.068.655 | 2.200.400  | 2.210.000  | 2.338.000  | 2.280.000  |
| *a* | *Trình độ cao đẳng, trung cấp* |  | *1.121.415* | *1.350.000* | *2.472.055* | *vượt* | *238.655* |  *540.400*  |  *545.000*  |  *568.000*  |  *580.000*  |
| *b* | *Trình độ sơ cấp và và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác* | *“* | *8.048.956* | *9.400.000* | *8.625.000* | *không đạt* | *1.830.000* | *1.660.000*  | *1.665.000*  | *1.770.000*  | *1.700.000*  |
| 4 | Số học sinh tốt nghiệp các cấp trình độ hằng năm | người |  - | 9.451.000 | 10.212.690 | *vượt* | 1.760.380 | 1.983.960 | 2.078.350 | 2.200.000 | 2.190.000 |
| a | Trình độ cao đẳng, trung cấp | " |  - | 991.000 | 1.993.262 | *vượt* | 163.612 |  405.300  |  418.350  |  496.000  |  510.000  |
| b | Trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác | " |  - | 8.460.000 | 8.219.428 | *không đạt* |  1.596.768  |  1.578.660  |  1.660.000  |  1.704.000  |  1.680.000  |
| 5 | Tỷ lệ gia đình NCC có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú | % | 98,5 | 99 - 100 | 99,7 | đạt | 98,5 | 98,5 | 99 | 99,5 | 99,7 |
| 6 | Tỷ lệ xã/phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, NCC | % | 98 | 99 | 99,5 | đạt | 98 | 98 | 98,5 | 99 | 99,5 |
| 7 | Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng | % |  - | 100 | 100 | đạt | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 8 | Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và PHCN | “ |  - | 85 | 85 | đạt | 81 | 82 | 83 | 84 | 85 |
| 9 | Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp  | % | 85 |  - | 72 |  -  | 86 | 87 | 88 | 70 | 72 |
| 10 | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em | % | 80 |  - | 55 |  - | 80 | 82 | 83 | 52 | 55 |
| 11 | Tỷ lệ cai nghiện cho người nghiện ma túy có quyết định của Tòa án áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc  | % |  - | 100 | 100 | đạt | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 12 | Tỷ lệ số người nghiện ma túy được tham gia các chương trình điều trị cai nghiện so với số người nghiện có hồ sơ quản lý | % |  - |  - | 72 |  - | 74 | 78 | 67 | 70 | 72 |
| 13 | Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật | % |  - | 100 | 100 | đạt | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |

|  |
| --- |
| **Phụ lục IIChỉ tiêu kế hoạch năm 2021 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội** |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Dự kiến KH 2021 - 2025** | **Trong đó:** |
| **KH 2021** |
| **I** | **CHỈ TIÊU QUỐC HỘI GIAO** |  |  |  |
| 1 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo  | % | 70 | 66 |
|  | *Có bằng cấp, chứng chỉ từ 3 tháng trở lên* | *“* | *28-30* | *25,5* |
| 2 | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước hằng năm | % | 1-1,5 | 1-1,5 |
| **II** | **CHỈ TIÊU NGÀNH**  |   |   |   |
| 1 | Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Người | 500.000 | 90.000 |
| 2 | Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội  | % | 45 | 35 |
| 3 | Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo thất nghiệp | % | 35 | 28 |
| 4 | Giảm tần suất tai nạn lao động hàng năm  | % | 5 | 5 |
|  | *Trong đó: Giảm tần suất tai nạn lao động chết người hàng năm*  | *%* | *4,5* | *4,5* |
| 5 | Số học sinh giáo dục nghề nghiệp được tuyển mới hằng năm | người | 19.820.000 | 2.371.000 |
| *a* | *Trình độ cao đẳng, trung cấp* | *"* | *3.200.000* | *603.000* |
| *b* | *Trình độ sơ cấp và và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác* | *“* | *16.620.000* | *1.768.000* |
| 6 | Số học sinh tốt nghiệp các cấp trình độ hằng năm | người | 18.527.000 | 2.073.000 |
| *a* | *Trình độ cao đẳng, trung cấp* | *"* | *2.240.000* | *393.400* |
| *b* | *Trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác* | *"* | *16.287.000* | *1.679.600* |
| 7 | Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng | % | 100 | 100 |
| 8 | Tỷ lệ người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói  | % | 100 | 100 |
| 9 | Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời | “ | 90 | 86 |
| 10 | Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời  | % | 90 | 86 |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Dự kiến KH 2021 - 2025** | **Trong đó:** |
| **KH 2021** |
| 11 | Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em  | % | 6,5 | 6,9 |
| 12 | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em | % | 65 | 55 |
| 13 | Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy | % | 90 | 76 |
| 14 | Tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy trong tổng số người nghiện được cai nghiện.  | % | 40 | 40 |
| 15 | Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật | % | 100 | 100 |

1. (i) Xây dựng thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế; (ii) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ để nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia; (iii) Tạo lập các điều kiện cơ bản để thúc đẩy sự phát triển và hoạt động của thị trường lao động theo hướng hiện đại, bảo đảm đồng bộ, linh hoạt, minh bạch, cạnh tranh và hội nhập nhằm kết nối cung - cầu lao động, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng việc làm đầy đủ và bền vững; (iv) Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thực hiện đầy đủ Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc; (v) Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước Việt Nam, đã thực hiện giải ngân 12.832,32 tỷ đồng để thực hiện hỗ trợ cho 12.917.660 người và 30.569 hộ kinh doanh. Theo thống kê của các Trung tâm dịch vụ việc làm, có 1,06 triệu người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng số tiền trợ cấp là 18.200 tỷ đồng. Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, có 755 đơn vị sử dụng lao động được giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho 97.626 người lao động, với tổng kinh phí trên 471,88 tỷ đồng. Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội, đã có 48 chi nhánh thực hiện giải ngân với tổng dư nợ là 27.787 triệu đồng cho 185 người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc cho 7.245 người lao động. Như vậy, tổng kinh phí đã thực hiện hỗ trợ cho trên 14,113 triệu lượt người dân là 31.522,987 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-2)
3. Luật Trẻ em năm 2016, Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sửa đổi) năm 2020. [↑](#footnote-ref-3)
4. Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới. [↑](#footnote-ref-4)
5. Công ước số 88 về tổ chức dịch vụ việc làm; Công ước số 159 về phục hồi chức năng lao động và việc làm cho người khuyết tật; Công ước số 98 về áp dụng những nguyên tắc của quyền tổ chức và thương lượng tập thể, 1949; Công ước số 105 về xóa bỏ lao động cưỡng bức. [↑](#footnote-ref-5)
6. Có 725 sinh viên tốt nghiệp, 100% sinh viên tốt nghiệp đều có việc làm ngay hoặc tiếp tục học lên các trình độ cao hơn ở trong nước và ngoài nước. Sinh viên đi làm có mức thu nhập cao hơn so với sinh viên tốt nghiệp các chương trình đào tạo bình thường khác từ 20-30%. [↑](#footnote-ref-6)
7. Ứng dụng các phần mềm tin học trong công tác quản lý đào tạo (từ khâu quản lý công tác tuyển sinh; xây dựng, quản lý kế hoạch đào tạo; quản lý kết quả đào tạo; quản lý văn bằng tốt nghiệp...) [↑](#footnote-ref-7)
8. Kết quả có 290 thí sinh đạt giải: 71 Huy chương Vàng, 28 Huy chương Bạc, 69 Huy chương Đồng, 122 thí sinh đạt giải Chứng chỉ Kỹ năng nghề xuất sắc và 10 đoàn có thành tích cao nhất. [↑](#footnote-ref-8)
9. Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, tính đến tháng 12 năm 2020, cả nước có 32,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 bao gồm người bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập,… Trong đó, 69,2% người bị giảm thu nhập, 39,9% phải giảm giờ làm/nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên và khoảng 14,0% buộc phải tạm nghỉ hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19 với 71,6% lao động bị ảnh hưởng, tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng với 64,7%; tỷ lệ này trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 26,4%. [↑](#footnote-ref-9)
10. Nhiều Trung tâm dịch vụ việc làm đã triển khai các giải pháp linh hoạt trong phương thức tiếp cận người lao động thông minh qua việc liên tục cập nhật thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp lên website, Facebook và tư vấn trực tiếp qua các ứng dụng tiện ích như Zalo, email… Trong năm đã tổ chức khoảng 1.000 phiên giao dịch việc làm; tư vấn, giới thiệu cho trên 2 triệu lượt người; trong đó khoảng 700 nghìn lượt người được kết nối việc làm thành công. [↑](#footnote-ref-10)
11. Quỹ quốc gia về việc làm hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 66.494 lao động (trong đó, lao động người khuyết tật là 6.566 người, lao động người dân tộc thiểu số là 2.757 người), nguồn Ngân hàng chính sách xã hội hỗ trợ tạo việc làm cho 135.953 người (trong đó, lao động người khuyết tật là 6.047 người và lao động người dân tộc thiểu số là 5.156 người). [↑](#footnote-ref-11)
12. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các chuyến bay đưa 219 lao động (trong đó có lao động nhiễm Covid-19) tại Ghi nê - Xích đạo và 226 lao động tại Uzbekistan về nước an toàn. [↑](#footnote-ref-12)
13. Đài Loan: khoảng 14.000 lao động, Nhật Bản: khoảng 10.000 lao động, Hàn Quốc: khoảng 2.500 lao động và các thị trường khác... [↑](#footnote-ref-13)
14. Tính đến thời điểm hiện tại, có hơn 8.000 lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài được đưa về nước an toàn trên các chuyến bay thương mại và các chuyến bay đưa công dân Việt Nam về nước (Tổng số chuyến bay: 73 chuyến bay, trong đó: Đài Loan: 19 chuyến bay, Hàn Quốc: 14 chuyến bay, Nhật Bản: 40 chuyến bay). [↑](#footnote-ref-14)
15. Giai đoạn 2016-2020, các trung tâm dịch vụ việc làm đã tư vấn cho 12 triệu lượt người; trong đó 48% được tư vấn về việc làm; tổ chức gần 6.000 phiên giao dịch việc làm, số lượt lao động nhận được việc làm trực tiếp do các trung tâm giới thiệu là gần 5 triệu lượt người. [↑](#footnote-ref-15)
16. Ngoài hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm công lập, cả nước hiện có 350 doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. [↑](#footnote-ref-16)
17. Mục tiêu 5 năm giải quyết việc làm cho khoảng 7,5 – 8 triệu người. [↑](#footnote-ref-17)
18. Theo thống kê của các Trung tâm dịch vụ việc làm 63 tỉnh, thành phố, từ đầu năm 2020 đến 25/12/2020, cả nước có 1.096.987 người đến nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, tăng 32,3% so với cùng kỳ tháng 12/2019. Đến nay, 1,06 triệu người đã có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng số tiền trợ cấp là 18.200 tỷ đồng (mức hưởng bình quân là trên 3 triệu đồng/người/tháng). [↑](#footnote-ref-18)
19. Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-19)
20. Hội đồng Tiền lương quốc gia đã có 4 lần khuyến nghị với Chính phủ công bố mức điều chỉnh: năm 2017 tăng bình quân 7,3%; năm 2018 tăng bình quân là 6,5%; năm 2019 tăng bình quân 5,3%; năm 2020 tăng bình quân 5,5%. Đặc biệt, mức lương tối thiểu vùng năm 2020 đã đạt mục tiêu *“bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ*” theo đúng lộ trình đề ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. [↑](#footnote-ref-20)
21. Năm 2020, tác động của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng mạnh đến tiền lương, thu nhập của người lao động; theo Tổng cục Thống kê, thu nhập bình quân của người lao động là 5,5 triệu đồng, giảm 2,3% so với năm 2019 (tương ứng giảm 128 nghìn đồng). Thu nhập của lao động ngành dịch vụ bị giảm sâu nhất, giảm 215 nghìn đồng; tiếp đến là ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 156 nghìn đồng. Mức giảm thu nhập của lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng là thấp nhất, giảm 100 nghìn đồng/người/tháng. [↑](#footnote-ref-21)
22. Theo báo cáo chưa đầy đủ của hơn 120 tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, trong năm 2020 các tổ chức đã thực hiện kiểm định được khoảng trên 2 triệu máy, thiết bị trên toàn quốc. [↑](#footnote-ref-22)
23. Tính đến tháng 11 năm 2020 đã giải quyết thủ tục hành chính đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu đối với sản phẩm thang máy điện cho gần 3.000 hồ sơ. [↑](#footnote-ref-23)
24. Tính đến cuối năm 2020 cả nước có tổng số 98.900 lao động nước ngoài đang làm việc. Trong đó: số không thuộc diện cấp giấy phép lao động là 14.904 người (chiếm 15% trên tổng số lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam); số thuộc diện cấp giấy phép lao động là 83.996 (chiếm 85%), trong đó đã cấp giấy phép lao động là 79.101 người (chiếm 94% số người thuộc diện cấp giấy phép lao động); số còn lại đã nộp hồ sơ chờ cấp giấy phép lao động hoặc đang hoàn thiện các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động. [↑](#footnote-ref-24)
25. ###  Trong năm đã tiếp nhận để giám định ADN 5.982 mẫu (gồm: 5.339 mẫu hài cốt liệt sĩ và 643 mẫu thân nhân liệt sĩ); đã phân tích được 2.268 mẫu (gồm 1.888 mẫu hài cốt liệt sĩ và 380 mẫu thân nhân liệt sĩ). Kết quả đã xác định danh tính 211 hài cốt liệt sĩ, gồm: 137 hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng và 74 hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp giám định ADN.

 [↑](#footnote-ref-25)
26. Cả nước có 393.707 hộ (trong đó, đề nghị xây mới là 184.695 hộ, sửa chữa là 209.012 hộ). Bộ Tài chính đã cấp đủ kinh phí cho các địa phương thực hiện với số tiền là 10.654 tỷ đồng. Tính đến nay, cả nước đã hoàn thành hỗ trợ được 328.494 hộ (với 156.541 hộ xây mới và 171.953 hộ sửa chữa); tổng số hộ loại khỏi Đề án là 41.704 hộ do các hộ này đã được xây dựng từ các nguồn xã hội hóa hoặc hộ không còn đủ điều kiện để hỗ trợ (gồm 11.676 hộ xây mới, 13.216 hộ sửa chữa). Tổng số hộ còn lại đang thực hiện hỗ trợ là 23.509 hộ đang được các địa phương khẩn trương triển khai theo chỉ đạo của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-26)
27. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cả nước vận động được hơn 2.580 tỷ đồng. Phong trào tặng sổ tiết kiệm của cả nước đạt 52.242 sổ với tổng kinh phí là hơn 86,76 tỷ đồng. Xây dựng mới 32.850 nhà tình nghĩa trị giá 1.518 tỷ đồng, sửa chữa 21.655 nhà tình nghĩa trị giá gần 475 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-27)
28. Tính đến tháng 7/2020 cả nước có 4.952/138.337 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các đơn vị nhận phụng dưỡng. [↑](#footnote-ref-28)
29. Năm 2017 đã rà soát, giải quyết 5.900 hồ sơ tồn đọng trên cả nước (*trong đó, Thủ tướng Chính phủ công nhận và cấp bằng Tổ quốc ghi công đối với 2.204 liệt sĩ, trên 2.500 thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; còn lại là những hồ sơ không đủ điều kiện đã được kết luận và giải thích cho đối tượng thấu tình, đạt lý);* năm 2018-2019, tiếp tục mở rộng phạm vi đến các ngành, cấp huyện, xã và trong nhân dân; đến nay, theo báo cáo của 43/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 323 hồ sơ, trong đó có 166 trường hợp (147 liệt sĩ, 19 thương binh) theo tiêu chí của Quyết định số 408/QĐ-LĐTBXH và 157 trường hợp (11 liệt sĩ, 146 thương binh) là hồ sơ thanh niên xung phong theo tiêu chí mở rộng của Thông báo số 1616/TB-LĐTBXH. 26 địa phương không có hoặc không còn hồ sơ tồn đọng; 17 địa phương còn hồ sơ tồn đọng (An Giang, Bến Tre, Cà Mau, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Nam, Hà Nội, Hải Dương, Long An, Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sơn La, Tiền Giang, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Long) và 02 Bộ còn hồ sơ tồn đọng: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.  [↑](#footnote-ref-29)
30. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhận Huân chương Lao động hạng nhất. [↑](#footnote-ref-30)
31. Có khoảng 18 nghìn công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư, đã đưa vào sử dụng trên 15 nghìn công trình; khoảng 7 nghìn công trình được duy tu bảo dưỡng với tổng vốn đầu tư trên 32 nghìn tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-31)
32. Trong đó: Chương trình 30a là 5.782,511 tỷ đồng (vốn đầu tư là 4.717,916 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 1.064,599 tỷ đồng); Chương trình 135 là 3.850,826 tỷ đồng (Vốn đầu tư là 2.711,636 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 1.139,19 tỷ đồng); Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 là 145 tỷ đồng; Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin là 175,7 tỷ đồng (Vốn đầu tư là 6,9 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 168,9 tỷ đồng); Dự án Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá là 105 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-32)
33. Đến tháng 9/2020 đã cho vay 532.239 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với doanh số cho vay đạt 23.472 tỷ đồng; trong đó doanh số cho vay hộ nghèo là 4.867 tỷ đồng, cho vay hộ cận nghèo là 8.107 tỷ đồng, cho vay hộ mới thoát nghèo là 9.846 tỷ đồng, cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn 652 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-33)
34. Chương trình đã tiếp nhận ủng hộ ủng hộ của các cơ quan, đơn vị, tập đoàn, tổng công ty, các doanh nghiệp, doanh nhân và các nhà hảo tâm ủng hỗ Quỹ “Vì người nghèo” và chương trình an sinh xã hội với số tiền 2.400 tỷ đồng; phối hợp tổ chức nhiều hoạt động huy động nguồn lực toàn xã hội để hỗ trợ cho người nghèo, thực hiện mục tiêu “Chung tay vì người nghèo – Không ai bị bỏ lại phía sau”. [↑](#footnote-ref-34)
35. Trong đó: 51.229 trẻ em mồ côi, mất nguồn nuôi dưỡng; 1.812.372 người cao tuổi; 1.096.027 người khuyết tật đang hưởng trợ cấp và 189.598 đối tượng khác. [↑](#footnote-ref-35)
36. Các địa phương còn lại là Đồng Tháp; Hà Nội. [↑](#footnote-ref-36)
37. Đến nay, cả nước có 1.812.372 người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (bao gồm: 1.722.909 người cao tuổi trên 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, 89.463 người cao tuổi cô đơn), khoảng 10.000 người cao tuổi đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội; hơn 3,1 triệu người cao tuổi đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH. [↑](#footnote-ref-37)
38. Hỗ trợ 6.460,320 tấn gạo cứu đói cho 133.194 hộ/430.688 nhân khẩu của 9 tỉnh gặp khó khăn về nguồn lực (gồm: Nghệ An, Cao Bằng, Gia Lai, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Quảng Bình, Bình Định, Hà Giang, Bình Phước) để thực hiện cứu đói trong dịp Tết Nguyên đán. [↑](#footnote-ref-38)
39. Trong 06 tháng đầu năm 2020, Chính phủ đã cấp gạo cho 09 tỉnh (Gia Lai, Lạng Sơn, Điện Biên, Đắk Nông, Đắk Lắk, Lai Châu, Cao Bằng, Quảng Trị, Quảng Bình) với tổng số gạo là 5.828,655 tấn gạo, cứu đói cho 97.740 hộ với 382.271 nhân khẩu. [↑](#footnote-ref-39)
40. Chính phủ đã xuất cấp trên 22.989 tấn gạo cứu đói cho 1.046.326 nhân khẩu thiếu đói: Quảng Bình (5.500 tấn), Quảng Trị (3.000 tấn), Thừa Thiên Huế (2.000 tấn), Quảng Nam (2.000 tấn), Hà Tĩnh (4.000 tấn), Nghệ An (303,465 tấn), Bình Định (3.396,715), Đắk Nông (242,07 tấn), Ninh Thuận (954,51 tấn), Quảng Ngãi (1.592,385 tấn). [↑](#footnote-ref-40)
41. Quảng Bình (150 tỷ đồng), Quảng Trị (210 tỷ đồng), Thừa Thiên Huế (170 tỷ đồng), Quảng Nam (250 tỷ đồng), Hà Tĩnh (150 tỷ đồng), Nghệ An (50 tỷ đồng), Bình Định (70 tỷ đồng), Quảng Ngãi (150 tỷ đồng), Kon Tum (50 tỷ đồng). [↑](#footnote-ref-41)
42. Đề án phát triển nghề công tác xã hội; Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; Đề án Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn dựa vào cộng đồng; Đề án nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau của người cao tuổi giai đoạn 2016-2020; dự án “Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với đối tượng yếu thế” thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 – 2020; Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-42)
43. Kinh phí trợ giúp Tết của 63 tỉnh, thành, trong 4 năm từ 2017-2020 là 9.268,011 tỷ đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 4.405,738 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện, xã: 986,322 tỷ đồng; nguồn vận động, xã hội hóa: 3.875,951 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-43)
44. Gồm: 191 cơ sở công lập và 234 cơ sở ngoài công lập, đáp ứng nhu cầu trợ giúp xã hội cho 30% đối tượng, trong đó, có 46 cơ sở chăm sóc người cao tuổi, 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật, 149 cơ sở chăm sóc trẻ em, 102 cơ sở tổng hợp, 32 cơ sở chăm sóc người tâm thần và 23 trung tâm công tác xã hội. Ngoài ra, còn có hàng trăm cơ sở tổng hợp chăm sóc, phục hồi chức năng cho người cao tuổi, người khuyết tật với công suất phục vụ khoảng 20.000 đối tượng. [↑](#footnote-ref-44)
45. Xây dựng, quảng bá kịp thời 11 đầu tài liệu, sản phẩm truyền thông đại chúng và mạng xã hội về bảo vệ trẻ em, phòng chống bạo lực trẻ em và chăm sóc tâm lý trẻ em trong gia đình và trên môi trường mạng trong bối cảnh giãn cách xã hội, về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phụ nữ tại nơi cách ly tập trung. Phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức quốc tế nghiên cứu, ban hành các quy trình, mô hình hỗ trợ trẻ em trong tình trạng khẩn cấp ở tầm chiến lược (dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu). [↑](#footnote-ref-45)
46. Từ đầu năm đến nay thống kê toàn quốc phát hiện 2.209 đối tượng (giảm 110 đối tượng so với năm 2019) xâm hại 2.008 em (giảm 109 em so với năm 2019), trong đó xâm hại tình dục trẻ em là 1.583 đối tượng xâm hại 1.576 trẻ em; trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức khác là 626 đối tượng xâm hại 432 trẻ em (nguồn: Bộ Công an). [↑](#footnote-ref-46)
47. Theo nguồn báo chí và điểm báo các vụ đuối nước điển hình, tính đến cuối tháng 10 có 900 trẻ em tử vong do đuối nước. [↑](#footnote-ref-47)
48. Có 11 Kế hoạch liên ngành về thực hiện quyền trẻ em đã được ký kết. [↑](#footnote-ref-48)
49. Phối hợp với Vinaphone và Viettel gửi 02 tin nhắn về thông tin, tố cáo hành vi xâm hại trẻ em đến 111 và giám sát trẻ em, phòng, chống đuối nước trẻ em đến hơn 70 triệu thuê bao; tăng cường livestreams và các sản phẩm truyền thông, truyền hình trên mạng xã hội facebook và youtube; mở kênh Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111 trên Zalo; lập trang website tongdai111.vn và tích hợp kiến thức cho app. 111; triển khai phát tờ rơi về Tổng đài 111 và phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em đến từng hộ gia đình; phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Luật trẻ em trực tuyến với sự tham gia của 217.570 trẻ em trong cả nước. Sản xuất, phát sóng 50 Chương trình truyền hình vì trẻ em, 52 chương trình phát thanh 1 giờ đường dây nóng và nhiều tin, bài, phóng sự về trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em”. [↑](#footnote-ref-49)
50. Trong Tháng hành động vì trẻ em, có 1.592 hoạt động được tổ chức với sự tham gia của 228.215 lượt trẻ em. Các địa phương đã tổ chức 3.695 hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em, thu hút 572.162 trẻ em tham gia. [↑](#footnote-ref-50)
51. Năm 2020, Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111 đã tiếp nhận 687.750 cuộc gọi, tăng 180.793 cuộc so với cùng kỳ năm 2019, trong đó có 29.507 cuộc gọi tư vấn và cung cấp thông tin. Tổng đài can thiệp, hỗ trợ 1.295 ca, cao nhất từ trước tới nay (tăng 311 ca so với năm 2019), trong đó có 623 ca can thiệp cho trẻ em bị bạo lực (tăng 217 ca so với năm 2019), 307 ca can thiệp cho trẻ em bị xâm hại tình dục (giảm 15 ca so với cùng kỳ 2019), 122 ca can thiệp bóc lột trẻ em (tăng 42 ca), 55 ca can thiệp trẻ bị bỏ rơi (tăng 27 ca so với cùng kỳ 2019), 30 ca trẻ em bị mua bán (tăng 22 ca so với năm 2019) và các trường hợp khác. [↑](#footnote-ref-51)
52. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam đã hỗ trợ cho 16.256 lượt trẻ em với tổng kinh phí hỗ trợ 6,63 tỷ đồng; tại địa phương đã hỗ trợ cho 1.433.992 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn với tổng số tiền gần 111,2 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-52)
53. Theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016 có 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (Luật BVCSGDTE năm 2004 có 10 nhóm). [↑](#footnote-ref-53)
54. Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. [↑](#footnote-ref-54)
55. Gồm 14 TTHC mới ban hành, 03 TTHC sửa đổi, bổ sung, 01 TTHC bãi bỏ thuộc lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước, bảo hiểm xã hội, người có công. [↑](#footnote-ref-55)
56. Trong năm xét tuyển được 07 trường hợp sinh viên tốt nghiệp suất sắc và có 11 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi. [↑](#footnote-ref-56)
57. Đối tượng được bổ sung quy hoạch trong đợt rà soát, bổ sung này gồm 129 trường hợp. [↑](#footnote-ref-57)
58. Trong năm 2020 đã thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 Thứ trưởng và Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; bổ nhiệm mới, điều động - bổ nhiệm, tiếp nhận 36 trường hợp và bổ nhiệm kéo dài thời gian giữ chức vụ đến thời điểm nghỉ hưu 18 trường hợp đối với cấp Vụ, Cục và tương đương; bổ nhiệm mới 04 trường hợp, bổ nhiệm lại 17 trường hợp và giao phụ trách 01 trường hợp đối với cấp trưởng phòng thuộc Bộ; bổ nhiệm mới 01 trường hợp; bổ nhiệm lại 10 trường hợp và bổ nhiệm lại có thời hạn 01 trường hợp đối với kế toán trưởng các đơn vị thuộc Bộ; đề nghị nâng hàm ngoại giao cho 01 trường hợp ở Văn phòng Kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc… [↑](#footnote-ref-58)
59. Thanh tra toàn ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) đã tiến hành 30.934 cuộc thanh tra, kiểm tra, ban hành 185.863 kiến nghị yêu cầu các đối tượng thanh tra khắc phục sai phạm, 5.208 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt 156,610 tỷ đồng *(tăng 61,48 tỷ đồng so với giai đoạn 2011-2015)*; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 557,499 tỷ đồng [↑](#footnote-ref-59)
60. Trong năm 2020, ngành LĐTBXH đã tiếp 12.896 lượt công dân (tăng 9,18% so với năm 2019); xử lý 12.757 đơn, thư (giảm 8,85% so với năm 2019) và giải quyết 288 vụ khiếu nại, tố cáo (giảm 1,71% so với năm 2019). Qua công tác tiếp công dân cho thấy, công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, hỏi chính sách tập trung chủ yếu về lĩnh vực ưu đãi người có công với cách mạng chiếm tỷ lệ 90,5%; lĩnh vực khác của Ngành chiếm tỷ lệ 7,9%, các vấn đề không thuộc lĩnh vực của Ngành (như đất đai, khởi kiện) chiếm tỷ lệ 1,6%. [↑](#footnote-ref-60)
61. Bộ nhận 5.796 đơn (giảm 9,9% so với năm 2019), trong đó: tiếp nhận trong năm 2020 là 4.789 đơn, chuyển từ năm 2019 sang là 1.007 đơn; các Sở LĐTBXH tiếp nhận 6.961 đơn, thư (giảm 8% so với năm 2019). [↑](#footnote-ref-61)
62. Tổ chức khoảng 45 hội nghị, hội thảo khu vực và quốc gia, trong đó hầu hết là các hội nghị trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến, tập trung vào các nội dung theo kế hoạch của năm Chủ tịch ASEAN 2020 của ta theo kênh trụ cột Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN và các hoạt động hợp tác chuyên ngành ASEAN theo cơ chế Hội nghị Bộ trưởng Lao động, Bộ trưởng Phúc lợi xã hội và Bộ trưởng Phụ nữ, quyền của phụ nữ trẻ em và người lao động di cư. Một số các hoạt động cũng tập trung vào thúc đẩy trao đổi các nội dung, kinh nghiệm nhằm ứng phó với tác động của đại dịch Covid-19 và phục hồi sau đại dịch. [↑](#footnote-ref-62)
63. Thông qua “Tuyên bố ASEAN về Phát triển nguồn nhân lực cho thế giới công việc đang đổi thay”, “Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy Công tác xã hội hướng tới một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng”; Ghi nhận “Lộ trình của Tuyên bố ASEAN về Phát triển nguồn nhân lực cho thế giới công việc đang đổi thay”, “Đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN 2025”. [↑](#footnote-ref-63)
64. Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức lao động - xã hội; Trường Đại học Lao động - Xã hội, các Trường Đại học sư phạm kỹ thuật: Nam Định, Vinh và Vĩnh Long; Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ Dung Quất, Trường Kỹ thuật công nghệ TP. Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II. [↑](#footnote-ref-64)
65. Trung tâm Thông tin, Báo Lao động - Xã hội, Tạp chí Lao động - Xã hội, Tạp chí Gia đình và Trẻ em, Trung tâm Tư vấn dịch vụ truyền thông, Báo Dân trí. [↑](#footnote-ref-65)
66. Hiện nay có 14 cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành Lao động- Thương binh và Xã hội, gồm: 06 bệnh viện, viện (trong đó 02 bệnh viện thuộc địa phương), 08 trung tâm chỉnh hình, phục hồi chức năng (trong đó 02 trung tâm thuộc địa phương). [↑](#footnote-ref-66)
67. Hiện cả nước có 50 trung tâm điều dưỡng, nuôi dưỡng thương binh và người có công. [↑](#footnote-ref-67)
68. Hiện nay cả nước có 425 cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có 195 cơ sở công lập và 230 cơ sở ngoài công lập. [↑](#footnote-ref-68)
69. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2019 đạt 55,8 triệu người, năm 2020 do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 nên có một số lượng lớn lao động ra khỏi thị trường lao động, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2020 là 54,6 triệu người. [↑](#footnote-ref-69)